

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2025

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 46/2023/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 26/2023/NĐ-CP QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KINH DOANH BẢO HIỂM

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
CHƯƠNG I – NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG		
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị định này quy định chi tiết thi hành khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 7, khoản 5 Điều 11, điểm b khoản 1 Điều 64, điểm a khoản 2 Điều 64, khoản 3 Điều 65, điểm đ khoản 1 Điều 67, điểm a khoản 2 Điều 67, khoản 6 Điều 69, khoản 4 Điều 71, khoản 4 Điều 74, khoản 2 Điều 77, khoản 5 Điều 81, khoản 4 Điều 83, khoản 5 Điều 87, khoản 1 Điều 89, khoản 3 Điều 93, khoản 6 Điều 94, khoản 4 Điều 97, khoản 2 Điều 98, điểm b khoản 1 và khoản 5 Điều 99, khoản 5 Điều 100, khoản 3 Điều 101, khoản 2 Điều 102, khoản 3 Điều 115, điểm d khoản 2 Điều 125, điểm b khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 133, khoản 2 Điều 134, khoản 4 Điều 136, khoản 1 và khoản 3 Điều 138, khoản 3 Điều 143, khoản 1 Điều 152, khoản 3 Điều 156, điểm b khoản 5 Điều 157 Luật Kinh doanh bảo hiểm.	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị định này quy định chi tiết thi hành khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 7, khoản 5 Điều 11, điểm b khoản 1 Điều 64, và điểm a khoản 2 Điều 64, khoản 3 Điều 65, điểm đ khoản 1 Điều 67, điểm a khoản 2 Điều 67, khoản 6 Điều 69 , khoản 4 Điều 71, khoản 4 Điều 74, khoản 2 Điều 77, khoản 5 Điều 81, khoản 4 Điều 83, khoản 5 Điều 87, khoản 1 và 4 Điều 89, khoản 3 Điều 93, khoản 6 Điều 94, khoản 4 Điều 97, khoản 2 Điều 98, điểm b khoản 1 và khoản 5 Điều 99, khoản 5 Điều 100, khoản 3 Điều 101, khoản 2 Điều 102, khoản 3 Điều 115, điểm d khoản 2 Điều 125, điểm b khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 133, khoản 2 Điều 134 , khoản 4 Điều 136, khoản 1 và khoản 3 Điều 138, khoản 3 Điều 143 , khoản 1 Điều 152, khoản 3 Điều 156, điểm b khoản 5 Điều 157 Luật Kinh doanh bảo hiểm.	Để phù hợp với các điều đã sửa đổi, bổ sung ở Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm.
Điều 6. Nguyên tắc xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm	Điều 6. Nguyên tắc xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm	Để đảm bảo thống nhất với Luật An ninh mạng năm 2025 và phù hợp với các điều đã sửa đổi, bổ sung ở Luật sửa đổi, bổ sung

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/ một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm
<p>1. Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm là cơ sở dữ liệu chuyên ngành quản lý bảo hiểm do Bộ Tài chính xây dựng và quản lý tập trung, thống nhất.</p> <p>2. Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm là tập hợp tài liệu, dữ liệu thông tin về hoạt động kinh doanh bảo hiểm và các thông tin liên quan đã được thu thập, xử lý, số hóa, tích hợp và lưu trữ trên các hệ thống công nghệ thông tin; đảm bảo đáp ứng yêu cầu công tác hoạch định chính sách, thống kê, dự báo và quản lý giám sát hoạt động kinh doanh bảo hiểm, tạo lập môi trường cho việc áp dụng các mô hình phân tích dữ liệu cơ bản phục vụ hoạt động quản lý, giám sát bảo hiểm.</p> <p>3. Việc xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm phải đảm bảo các nguyên tắc sau:</p> <p>a) Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm phải được cập nhật, duy trì thường xuyên, phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm;</p> <p>b) Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm phải được duy trì hoạt động liên tục, ổn định, thông suốt, thể hiện lịch sử các lần cập nhật, chỉnh sửa thông tin; được lưu trữ, bảo mật, bảo đảm an toàn thông tin;</p> <p>c) Việc xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm phải tuân thủ các quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Công nghệ thông tin, Luật Giao dịch điện tử; quy định về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước; các quy định về bảo đảm bảo vệ đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình,</p>	<p>1. Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm là cơ sở dữ liệu chuyên ngành quản lý bảo hiểm do Bộ Tài chính xây dựng và quản lý tập trung, thống nhất.</p> <p>2. Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm là tập hợp tài liệu, dữ liệu thông tin về hoạt động kinh doanh bảo hiểm và các thông tin liên quan đã được thu thập, xử lý, số hóa, tích hợp và lưu trữ trên các hệ thống công nghệ thông tin; đảm bảo đáp ứng yêu cầu công tác hoạch định chính sách, thống kê, dự báo và quản lý giám sát hoạt động kinh doanh bảo hiểm, tạo lập môi trường cho việc áp dụng các mô hình phân tích dữ liệu cơ bản phục vụ hoạt động quản lý, giám sát bảo hiểm.</p> <p>3. Việc xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm phải đảm bảo các nguyên tắc sau:</p> <p>a) Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm phải được cập nhật, duy trì thường xuyên, phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm;</p> <p>b) Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm phải được duy trì hoạt động liên tục, ổn định, thông suốt, thể hiện lịch sử các lần cập nhật, chỉnh sửa thông tin; được lưu trữ, bảo mật, bảo đảm an toàn thông tin <u>an ninh mạng</u>;</p> <p>c) Việc xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm phải tuân thủ các quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Công nghệ thông tin, Luật Giao dịch điện tử; quy định về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước; các quy định về bảo đảm bảo vệ đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình,</p>	<p>một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm</p>

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
vệ đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, bảo vệ bí mật kinh doanh của doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.	bảo vệ bí mật kinh doanh của doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.	
CHƯƠNG III – DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM, DOANH NGHIỆP TÁI BẢO HIỂM, CHI NHÁNH NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM		
MỤC 1. GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG		
<p>Điều 12. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của công ty trách nhiệm hữu hạn bảo hiểm, công ty trách nhiệm hữu hạn tái bảo hiểm</p> <p>1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.</p> <p>2. Dự thảo Điều lệ công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Phương án hoạt động 05 năm đầu phù hợp với lĩnh vực kinh doanh đề nghị cấp Giấy phép, trong đó nêu rõ các nghiệp vụ bảo hiểm dự kiến triển khai, thị trường mục tiêu, kênh phân phối, phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ, chương trình tái bảo hiểm, đầu tư vốn, hiệu quả kinh doanh, khả năng thanh toán, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro, công nghệ thông tin của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm.</p> <p>4. Bản sao thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu; phiếu lý lịch tư pháp theo mẫu hoặc giấy tờ tương đương của người nước ngoài do pháp luật nước ngoài quy định; sơ yếu lý lịch, bản sao văn bằng, chứng chỉ và tài liệu khác chứng minh đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn của người dự kiến được bổ nhiệm là Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Người đại diện</p>	<p>Điều 12. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của công ty trách nhiệm hữu hạn bảo hiểm, công ty trách nhiệm hữu hạn tái bảo hiểm</p> <p>1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.</p> <p>2. Dự thảo Điều lệ công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Phương án hoạt động 05 năm đầu phù hợp với lĩnh vực kinh doanh đề nghị cấp Giấy phép, trong đó nêu rõ các nghiệp vụ bảo hiểm dự kiến triển khai, thị trường mục tiêu, kênh phân phối, phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ, chương trình tái bảo hiểm, đầu tư vốn, hiệu quả kinh doanh, khả năng thanh toán, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro, công nghệ thông tin của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm.</p> <p>4. Bản sao thẻ căn cước công dân hoặc <u>thẻ căn cước</u> giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu; phiếu lý lịch tư pháp theo mẫu hoặc giấy tờ tương đương của người nước ngoài do pháp luật nước ngoài quy định; sơ yếu lý lịch, bản sao văn bằng, chứng chỉ và tài liệu khác chứng minh đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn của người dự kiến được bổ nhiệm là Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Người</p>	<p>Để đảm bảo thống nhất với Luật Căn cước năm 2023 và phù hợp với các điều đã sửa đổi, bổ sung ở Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm</p>

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>theo pháp luật, Chuyên gia tính toán của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm.</p> <p>5. Danh sách thành viên góp vốn và các giấy tờ kèm theo sau đây:</p> <p>a) Bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác;</p> <p>b) Bản sao Điều lệ công ty;</p> <p>c) Văn bản của cấp có thẩm quyền của tổ chức góp vốn quyết định việc tham gia góp vốn thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm;</p> <p>d) Văn bản ủy quyền, bản sao thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người đại diện theo ủy quyền của tổ chức góp vốn;</p> <p>đ) Bản sao báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho 03 năm tài chính liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài ủy quyền cho công ty con góp vốn thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm tại Việt Nam thì phải cung cấp thêm bản sao báo cáo tài chính đã được kiểm toán của công ty con đó trong 03 năm tài chính liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.</p> <p>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài và công ty con của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài phải đáp ứng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 11 Nghị</p>	<p>đại diện theo pháp luật, Chuyên gia tính toán của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm.</p> <p>5. Danh sách thành viên góp vốn, <u>mức vốn góp</u> và các giấy tờ kèm theo sau đây:</p> <p>a) Bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác;</p> <p>b) Bản sao Điều lệ công ty;</p> <p>c) Văn bản của cấp có thẩm quyền của tổ chức góp vốn quyết định việc tham gia góp vốn thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm;</p> <p>d) Văn bản ủy quyền, bản sao thẻ căn cước công dân hoặc <u>thẻ căn cước</u> giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người đại diện theo ủy quyền của tổ chức góp vốn;</p> <p>đ) Bản sao báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho 03 năm tài chính liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài ủy quyền cho công ty con góp vốn thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm tại Việt Nam thì phải cung cấp thêm bản sao báo cáo tài chính đã được kiểm toán của công ty con đó trong 03 năm tài chính liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.</p> <p>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài và công ty con của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài phải</p>	

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>định này;</p> <p>e) Văn bản ủy quyền của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài cho công ty con chuyên thực hiện chức năng đầu tư ra nước ngoài và cam kết cùng công ty con chịu trách nhiệm đối với việc góp vốn và nghĩa vụ của công ty con trong việc thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm tại Việt Nam (đối với trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài ủy quyền cho công ty con chuyên thực hiện chức năng đầu tư ra nước ngoài thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm tại Việt Nam);</p> <p>g) Văn bản cam kết của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài hỗ trợ về tài chính, công nghệ, quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro, điều hành, hoạt động cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm dự kiến thành lập tại Việt Nam; bảo đảm doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm này thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn tài chính, quản trị rủi ro theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm;</p> <p>h) Tài liệu chứng minh doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài tham gia góp vốn đáp ứng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 65 Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>6. Danh sách các chủ sở hữu hưởng lợi gồm các thông tin về họ tên, ngày tháng năm sinh, số chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc số hộ chiếu, quốc tịch (trường hợp có nhiều quốc tịch thì</p>	<p>đáp ứng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 11 Nghị định này;</p> <p>e) Văn bản ủy quyền của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài cho công ty con chuyên thực hiện chức năng đầu tư ra nước ngoài và cam kết cùng công ty con chịu trách nhiệm đối với việc góp vốn và nghĩa vụ của công ty con trong việc thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm tại Việt Nam (đối với trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài ủy quyền cho công ty con chuyên thực hiện chức năng đầu tư ra nước ngoài thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm tại Việt Nam);</p> <p>g) Văn bản cam kết của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài hỗ trợ về tài chính, công nghệ, quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro, điều hành, hoạt động cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm dự kiến thành lập tại Việt Nam; bảo đảm doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm này thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn tài chính, quản trị rủi ro theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm;</p> <p>h) Tài liệu chứng minh doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài tham gia góp vốn đáp ứng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 65 Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>6. Danh sách các chủ sở hữu hưởng lợi gồm các thông tin về họ tên, ngày tháng năm sinh, số chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân <i>định danh cá</i></p>	

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>phải ghi đầy đủ các quốc tịch và các địa chỉ đăng ký cư trú tại các quốc gia mang quốc tịch), địa chỉ cư trú tại Việt Nam (nếu có), tỷ lệ sở hữu trực tiếp và gián tiếp tại doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm dự kiến thành lập.</p> <p>7. Xác nhận của ngân hàng được phép hoạt động tại Việt Nam về mức vốn điều lệ gửi tại tài khoản phong tỏa mở tại ngân hàng không thấp hơn mức vốn điều lệ tối thiểu quy định tại Điều 35 Nghị định này. Trong đó, nêu rõ số tiền góp vốn của từng thành viên, số tiền phong tỏa, mục đích phong tỏa, thời hạn phong tỏa và điều kiện để mở phong tỏa.</p> <p>8. Biên bản họp của các thành viên góp vốn (đối với hồ sơ đề nghị thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên) về việc:</p> <p>a) Nhất trí góp vốn thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn bảo hiểm hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn tái bảo hiểm, kèm theo danh sách các thành viên góp vốn;</p> <p>b) Thông qua dự thảo Điều lệ công ty.</p> <p>9. Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài góp vốn đặt trụ sở chính xác nhận:</p> <p>a) Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài được phép thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm tại Việt Nam. Trường hợp quy định của nước nơi doanh nghiệp, tập đoàn đặt trụ sở chính không yêu cầu phải có văn bản chấp thuận thì phải có văn bản xác nhận của cơ quan, tổ chức, cá nhân</p>	<p><u>nhân</u> hoặc số hộ chiếu, quốc tịch (trường hợp có nhiều quốc tịch thì phải ghi đầy đủ các quốc tịch và các địa chỉ đăng ký cư trú tại các quốc gia mang quốc tịch), địa chỉ cư trú tại Việt Nam (nếu có), tỷ lệ sở hữu trực tiếp và gián tiếp tại doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm dự kiến thành lập.</p> <p>7. Xác nhận của ngân hàng được phép hoạt động tại Việt Nam về mức vốn điều lệ gửi tại tài khoản phong tỏa mở tại ngân hàng không thấp hơn mức vốn điều lệ tối thiểu quy định tại Điều 35 Nghị định này. Trong đó, nêu rõ số tiền góp vốn của từng thành viên, số tiền phong tỏa, mục đích phong tỏa, thời hạn phong tỏa và điều kiện để mở phong tỏa.</p> <p>8. Biên bản họp của các thành viên góp vốn (đối với hồ sơ đề nghị thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên) về việc:</p> <p>a) Nhất trí góp vốn thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn bảo hiểm hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn tái bảo hiểm, kèm theo danh sách các thành viên góp vốn;</p> <p>b) Thông qua dự thảo Điều lệ công ty.</p> <p>9. Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài góp vốn đặt trụ sở chính xác nhận:</p> <p>a) Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài được phép thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm tại Việt Nam. Trường hợp quy định của nước nơi doanh nghiệp, tập đoàn đặt trụ sở chính không yêu cầu phải có văn bản chấp thuận thì phải có văn bản xác nhận của cơ quan, tổ chức, cá nhân có</p>	

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>có thẩm quyền theo quy định của pháp luật nước đó;</p> <p>b) Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài đang hoạt động trong lĩnh vực dự kiến tiến hành hoạt động ở Việt Nam;</p> <p>c) Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài đang trong tình trạng tài chính lành mạnh và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu quản lý tại nước nơi doanh nghiệp, tập đoàn đặt trụ sở chính;</p> <p>d) Không vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm của nước nơi doanh nghiệp, tập đoàn đặt trụ sở chính trong thời hạn 03 năm liên tục gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.</p> <p>10. Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc tổ chức Việt Nam góp vốn đáp ứng các điều kiện an toàn tài chính và được phép góp vốn thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm theo quy định pháp luật. Trường hợp pháp luật liên quan không yêu cầu phải có văn bản chấp thuận thì tổ chức góp vốn phải có văn bản xác nhận việc này.</p> <p>11. Văn bản cam kết của các thành viên góp vốn đối với việc đáp ứng điều kiện để được cấp Giấy phép theo quy định tại Điều 11 Nghị định này và Điều 65 Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>12. Văn bản chứng minh tổ chức góp vốn hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn pháp định hoặc vốn điều lệ tối thiểu hoặc vốn tối thiểu đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị định</p>	<p>thẩm quyền theo quy định của pháp luật nước đó;</p> <p>b) Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài đang hoạt động trong lĩnh vực dự kiến tiến hành hoạt động ở Việt Nam;</p> <p>c) Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài đang trong tình trạng tài chính lành mạnh và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu quản lý tại nước nơi doanh nghiệp, tập đoàn đặt trụ sở chính;</p> <p>d) Không vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm của nước nơi doanh nghiệp, tập đoàn đặt trụ sở chính trong thời hạn 03 năm liên tục gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.</p> <p>10. Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc tổ chức Việt Nam góp vốn đáp ứng các điều kiện an toàn tài chính và được phép góp vốn thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm theo quy định pháp luật. Trường hợp pháp luật liên quan không yêu cầu phải có văn bản chấp thuận thì tổ chức góp vốn phải có văn bản xác nhận việc này.</p> <p>11. Văn bản cam kết của các thành viên góp vốn đối với việc đáp ứng điều kiện để được cấp Giấy phép theo quy định tại Điều 11 Nghị định này và Điều 65 Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>12. Văn bản chứng minh tổ chức góp vốn hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn pháp định hoặc vốn điều lệ tối thiểu hoặc vốn tối thiểu đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị định</p>	

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>này.</p> <p>13. Văn bản về việc ủy quyền cho một cá nhân, tổ chức thay mặt các thành viên góp vốn để thực hiện các thủ tục đề nghị cấp Giấy phép.</p>	<p>này.</p> <p>13. Văn bản về việc ủy quyền cho một cá nhân, tổ chức thay mặt các thành viên góp vốn để thực hiện các thủ tục đề nghị cấp Giấy phép.</p>	
<p>Điều 13. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của công ty cổ phần bảo hiểm, công ty cổ phần tái bảo hiểm</p> <p>1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.</p> <p>2. Dự thảo Điều lệ công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Phương án hoạt động 05 năm đầu phù hợp với lĩnh vực kinh doanh đề nghị cấp Giấy phép, trong đó nêu rõ các nghiệp vụ bảo hiểm dự kiến triển khai, thị trường mục tiêu, kênh phân phối, phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ, chương trình tái bảo hiểm, đầu tư vốn, hiệu quả kinh doanh, khả năng thanh toán, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro, công nghệ thông tin của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm.</p> <p>4. Bản sao thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu; phiếu lý lịch tư pháp theo mẫu hoặc giấy tờ tương đương của người nước ngoài do pháp luật nước ngoài quy định; sơ yếu lý lịch, bản sao các văn bằng, chứng chỉ và tài liệu khác chứng minh đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn của người dự kiến được bổ nhiệm là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật, Chuyên gia tính toán của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm.</p>	<p>Điều 13. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của công ty cổ phần bảo hiểm, công ty cổ phần tái bảo hiểm</p> <p>1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.</p> <p>2. Dự thảo Điều lệ công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Phương án hoạt động 05 năm đầu phù hợp với lĩnh vực kinh doanh đề nghị cấp Giấy phép, trong đó nêu rõ các nghiệp vụ bảo hiểm dự kiến triển khai, thị trường mục tiêu, kênh phân phối, phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ, chương trình tái bảo hiểm, đầu tư vốn, hiệu quả kinh doanh, khả năng thanh toán, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro, công nghệ thông tin của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm.</p> <p>4. Bản sao thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân <i>thẻ căn cước</i> hoặc hộ chiếu; phiếu lý lịch tư pháp theo mẫu hoặc giấy tờ tương đương của người nước ngoài do pháp luật nước ngoài quy định; sơ yếu lý lịch, bản sao các văn bằng, chứng chỉ và tài liệu khác chứng minh đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn của người dự kiến được bổ nhiệm là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật, Chuyên gia tính toán của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm.</p>	<p>Để đảm bảo thống nhất với Luật Căn cước năm 2023 và phù hợp với các điều đã sửa đổi, bổ sung ở dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm</p>

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>5. Hồ sơ của cổ đông góp vốn thành lập là cá nhân:</p> <p>a) Bản sao thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu; phiếu lý lịch tư pháp theo mẫu hoặc giấy tờ tương đương của người nước ngoài do pháp luật nước ngoài quy định;</p> <p>b) Xác nhận của ngân hàng về số dư tiền Đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi gửi tại ngân hàng.</p> <p>6. Hồ sơ của cổ đông góp từ 10% vốn điều lệ trở lên là tổ chức:</p> <p>a) Bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác;</p> <p>b) Bản sao Điều lệ công ty;</p> <p>c) Văn bản của cấp có thẩm quyền của tổ chức góp vốn quyết định việc tham gia góp vốn thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm;</p> <p>d) Văn bản ủy quyền, bản sao thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người đại diện theo ủy quyền của tổ chức góp vốn;</p> <p>đ) Bản sao báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho 03 năm tài chính liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài ủy quyền cho công ty con góp vốn thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm tại Việt Nam thì phải cung cấp thêm bản sao báo cáo tài chính đã được kiểm toán của công ty con đó trong 03 năm tài chính liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.</p>	<p>5. Hồ sơ của cổ đông góp vốn thành lập là cá nhân:</p> <p>a) Bản sao thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân <u>thẻ căn cước</u> hoặc hộ chiếu; phiếu lý lịch tư pháp theo mẫu hoặc giấy tờ tương đương của người nước ngoài do pháp luật nước ngoài quy định;</p> <p>b) Xác nhận của ngân hàng về số dư tiền Đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi gửi tại ngân hàng.</p> <p>6. Hồ sơ của cổ đông góp từ 10% vốn điều lệ trở lên là tổ chức:</p> <p>a) Bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác;</p> <p>b) Bản sao Điều lệ công ty;</p> <p>c) Văn bản của cấp có thẩm quyền của tổ chức góp vốn quyết định việc tham gia góp vốn thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm;</p> <p>d) Văn bản ủy quyền, bản sao thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân <u>thẻ căn cước</u> hoặc hộ chiếu của người đại diện theo ủy quyền của tổ chức góp vốn;</p> <p>đ) Bản sao báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho 03 năm tài chính liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài ủy quyền cho công ty con góp vốn thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm tại Việt Nam thì phải cung cấp thêm bản sao báo cáo tài chính đã được kiểm toán của công ty con đó trong 03 năm tài chính liền kề trước năm nộp</p>	

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài và công ty con của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài đều phải đáp ứng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 11 Nghị định này;</p> <p>e) Văn bản ủy quyền của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài cho công ty con chuyên thực hiện chức năng đầu tư ra nước ngoài và cam kết cùng công ty con chịu trách nhiệm đối với việc góp vốn và nghĩa vụ của công ty con trong việc thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm tại Việt Nam (đối với trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài ủy quyền cho công ty con chuyên thực hiện chức năng đầu tư ra nước ngoài thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm tại Việt Nam);</p> <p>g) Văn bản cam kết của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài hỗ trợ về tài chính, công nghệ, quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro, điều hành, hoạt động cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm dự kiến thành lập tại Việt Nam; bảo đảm doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm này thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn tài chính, quản trị rủi ro theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm;</p> <p>h) Tài liệu chứng minh tổ chức này tham gia góp vốn đáp ứng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 66 Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p>	<p>hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.</p> <p>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài và công ty con của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài đều phải đáp ứng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 11 Nghị định này;</p> <p>e) Văn bản ủy quyền của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài cho công ty con chuyên thực hiện chức năng đầu tư ra nước ngoài và cam kết cùng công ty con chịu trách nhiệm đối với việc góp vốn và nghĩa vụ của công ty con trong việc thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm tại Việt Nam (đối với trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài ủy quyền cho công ty con chuyên thực hiện chức năng đầu tư ra nước ngoài thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm tại Việt Nam);</p> <p>g) Văn bản cam kết của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài hỗ trợ về tài chính, công nghệ, quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro, điều hành, hoạt động cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm dự kiến thành lập tại Việt Nam; bảo đảm doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm này thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn tài chính, quản trị rủi ro theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm;</p> <p>h) Tài liệu chứng minh tổ chức này tham gia góp vốn đáp ứng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 66 Luật</p>	

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>7. Hồ sơ của cổ đông góp vốn dưới 10% vốn điều lệ là tổ chức:</p> <p>a) Tài liệu quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 6 Điều này;</p> <p>b) Bản sao báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.</p> <p>8. Danh sách các chủ sở hữu hưởng lợi gồm các thông tin về họ tên, ngày tháng năm sinh, số chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc số hộ chiếu, quốc tịch (trường hợp có nhiều quốc tịch thì phải ghi đầy đủ các quốc tịch và các địa chỉ đăng ký cư trú tại các quốc gia mang quốc tịch), địa chỉ cư trú tại Việt Nam (nếu có), tỷ lệ sở hữu trực tiếp và gián tiếp tại doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm dự kiến thành lập.</p> <p>9. Xác nhận của ngân hàng được phép hoạt động tại Việt Nam về mức vốn điều lệ gửi tại tài khoản phong tỏa mở tại ngân hàng không thấp hơn mức vốn điều lệ tối thiểu quy định tại Điều 35 Nghị định này. Trong đó, nêu rõ số tiền góp vốn của từng cổ đông, số tiền phong tỏa, mục đích phong tỏa, thời hạn phong tỏa và điều kiện để mở phong tỏa.</p> <p>10. Biên bản họp của các cổ đông về việc:</p> <p>a) Nhất trí góp vốn thành lập công ty cổ phần bảo hiểm, công ty cổ phần tái bảo hiểm kèm theo danh sách các cổ đông và cổ đông sáng lập;</p> <p>b) Thông qua dự thảo Điều lệ công ty.</p> <p>11. Văn bản về việc ủy quyền cho một cá nhân, tổ chức thay mặt cho các cổ đông để thực hiện các thủ</p>	<p>Kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>7. Hồ sơ của cổ đông góp vốn dưới 10% vốn điều lệ là tổ chức:</p> <p>a) Tài liệu quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 6 Điều này;</p> <p>b) Bản sao báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.</p> <p>8. Danh sách các chủ sở hữu hưởng lợi gồm các thông tin về họ tên, ngày tháng năm sinh, số chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân <u>định danh cá nhân</u> hoặc số hộ chiếu, quốc tịch (trường hợp có nhiều quốc tịch thì phải ghi đầy đủ các quốc tịch và các địa chỉ đăng ký cư trú tại các quốc gia mang quốc tịch), địa chỉ cư trú tại Việt Nam (nếu có), tỷ lệ sở hữu trực tiếp và gián tiếp tại doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm dự kiến thành lập.</p> <p>9. Xác nhận của ngân hàng được phép hoạt động tại Việt Nam về mức vốn điều lệ gửi tại tài khoản phong tỏa mở tại ngân hàng không thấp hơn mức vốn điều lệ tối thiểu quy định tại Điều 35 Nghị định này. Trong đó, nêu rõ số tiền góp vốn của từng cổ đông, số tiền phong tỏa, mục đích phong tỏa, thời hạn phong tỏa và điều kiện để mở phong tỏa.</p> <p>10. Biên bản họp của các cổ đông về việc:</p> <p>a) Nhất trí góp vốn thành lập công ty cổ phần bảo hiểm, công ty cổ phần tái bảo hiểm kèm theo danh sách các cổ đông và cổ đông sáng lập;</p> <p>b) Thông qua dự thảo Điều lệ công ty.</p> <p>11. Văn bản về việc ủy quyền cho một cá nhân, tổ</p>	

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>tục đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.</p> <p>12. Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc tổ chức Việt Nam góp vốn đáp ứng các điều kiện an toàn tài chính và được phép góp vốn thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm theo quy định pháp luật. Trường hợp pháp luật liên quan không yêu cầu phải có văn bản chấp thuận thì tổ chức góp vốn phải có văn bản xác nhận việc này.</p> <p>13. Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài góp vốn đặt trụ sở chính xác nhận:</p> <p>a) Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài được phép thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm tại Việt Nam. Trường hợp quy định của nước nơi doanh nghiệp, tập đoàn đặt trụ sở chính không yêu cầu phải có văn bản chấp thuận thì phải có văn bản xác nhận của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật nước đó;</p> <p>b) Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài đang hoạt động trong lĩnh vực dự kiến tiến hành hoạt động ở Việt Nam;</p> <p>c) Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài đang trong tình trạng tài chính lành mạnh và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu quản lý tại nước nơi doanh nghiệp, tập đoàn đặt trụ sở chính;</p> <p>d) Không vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm của nước nơi</p>	<p>chức thay mặt cho các cổ đông để thực hiện các thủ tục đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.</p> <p>12. Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc tổ chức Việt Nam góp vốn đáp ứng các điều kiện an toàn tài chính và được phép góp vốn thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm theo quy định pháp luật. Trường hợp pháp luật liên quan không yêu cầu phải có văn bản chấp thuận thì tổ chức góp vốn phải có văn bản xác nhận việc này.</p> <p>13. Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài góp vốn đặt trụ sở chính xác nhận:</p> <p>a) Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài được phép thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm tại Việt Nam. Trường hợp quy định của nước nơi doanh nghiệp, tập đoàn đặt trụ sở chính không yêu cầu phải có văn bản chấp thuận thì phải có văn bản xác nhận của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật nước đó;</p> <p>b) Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài đang hoạt động trong lĩnh vực dự kiến tiến hành hoạt động ở Việt Nam;</p> <p>c) Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài đang trong tình trạng tài chính lành mạnh và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu quản lý tại nước nơi doanh nghiệp, tập đoàn đặt trụ sở chính;</p> <p>d) Không vi phạm nghiêm trọng các quy định của</p>	

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>doanh nghiệp đặt trụ sở chính trong thời hạn 03 năm liên tục gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.</p> <p>14. Văn bản cam kết của các cổ đông đối với việc đáp ứng điều kiện để được cấp Giấy phép theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định này và Điều 66 Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>15. Văn bản chứng minh tổ chức tham gia góp vốn hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn pháp định hoặc vốn điều lệ tối thiểu hoặc vốn tối thiểu đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị định này.</p>	<p>pháp luật về kinh doanh bảo hiểm của nước nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính trong thời hạn 03 năm liên tục gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.</p> <p>14. Văn bản cam kết của các cổ đông đối với việc đáp ứng điều kiện để được cấp Giấy phép theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định này và Điều 66 Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>15. Văn bản chứng minh tổ chức tham gia góp vốn hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn pháp định hoặc vốn điều lệ tối thiểu hoặc vốn tối thiểu đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị định này.</p>	
<p>Điều 14. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam</p> <p>1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.</p> <p>2. Dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam đã được doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài phê chuẩn.</p> <p>3. Phương án hoạt động 05 năm đầu phù hợp với lĩnh vực kinh doanh đề nghị cấp Giấy phép, trong đó nêu rõ các nghiệp vụ dự kiến triển khai, thị trường mục tiêu, kênh phân phối, phương thức trích lập dự phòng nghiệp vụ, chương trình tái bảo hiểm, đầu tư vốn, hiệu quả kinh doanh, khả năng thanh toán, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro, công nghệ thông tin của chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam.</p> <p>4. Bản sao thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng</p>	<p>Điều 14. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam</p> <p>1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.</p> <p>2. Dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam đã được doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài phê chuẩn.</p> <p>3. Phương án hoạt động 05 năm đầu phù hợp với lĩnh vực kinh doanh đề nghị cấp Giấy phép, trong đó nêu rõ các nghiệp vụ dự kiến triển khai, thị trường mục tiêu, kênh phân phối, phương thức trích lập dự phòng nghiệp vụ, chương trình tái bảo hiểm, đầu tư vốn, hiệu quả kinh doanh, khả năng thanh toán, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro, công nghệ thông tin của chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam.</p> <p>4. Bản sao thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng</p>	<p>Để đảm bảo thống nhất với Luật Căn cước năm 2023 và phù hợp với các điều đã sửa đổi, bổ sung ở Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm</p>

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>minh nhân dân hoặc hộ chiếu; phiếu lý lịch tư pháp theo mẫu hoặc giấy tờ tương đương của người nước ngoài do pháp luật nước ngoài quy định; sơ yếu lý lịch, bản sao các văn bằng, chứng chỉ và tài liệu khác chứng minh đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn của người dự kiến được bổ nhiệm là Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật, Chuyên gia tính toán của chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam.</p> <p>5. Tài liệu về doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài:</p> <p>a) Bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác;</p> <p>b) Bản sao Điều lệ công ty;</p> <p>c) Văn bản của cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài quyết định việc thành lập chi nhánh tại Việt Nam;</p> <p>d) Văn bản ủy quyền, bản sao thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người đại diện theo ủy quyền của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài;</p> <p>đ) Bản sao báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho 03 năm tài chính liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;</p> <p>e) Văn bản cam kết của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ phát sinh của chi nhánh tại Việt Nam;</p> <p>g) Tài liệu chứng minh doanh nghiệp bảo hiểm phi</p>	<p>minh nhân dân <u>thẻ căn cước</u> hoặc hộ chiếu; phiếu lý lịch tư pháp theo mẫu hoặc giấy tờ tương đương của người nước ngoài do pháp luật nước ngoài quy định; sơ yếu lý lịch, bản sao các văn bằng, chứng chỉ và tài liệu khác chứng minh đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn của người dự kiến được bổ nhiệm là Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật, Chuyên gia tính toán của chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam.</p> <p>5. Tài liệu về doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài:</p> <p>a) Bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác;</p> <p>b) Bản sao Điều lệ công ty;</p> <p>c) Văn bản của cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài quyết định việc thành lập chi nhánh tại Việt Nam;</p> <p>d) Văn bản ủy quyền, bản sao thẻ căn cước công dân hoặc <u>thẻ căn cước</u> giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người đại diện theo ủy quyền của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài;</p> <p>đ) Bản sao báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho 03 năm tài chính liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;</p> <p>e) Văn bản cam kết của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ phát sinh của chi nhánh tại Việt Nam;</p> <p>g) Tài liệu chứng minh doanh nghiệp bảo hiểm phi</p>	

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài tham gia góp vốn đáp ứng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 66 Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>6. Xác nhận của ngân hàng được phép hoạt động tại Việt Nam về mức vốn được cấp gửi tại tài khoản phong tỏa mở tại ngân hàng không thấp hơn mức vốn được cấp tối thiểu quy định tại Điều 36 Nghị định này. Trong đó, nêu rõ số tiền góp vốn, số tiền phong tỏa, mục đích phong tỏa, thời hạn phong tỏa và điều kiện để mở phong tỏa.</p> <p>7. Văn bản của cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm nước ngoài nơi doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài đặt trụ sở chính xác nhận:</p> <p>a) Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài được phép thành lập chi nhánh tại Việt Nam và đang hoạt động trong lĩnh vực dự kiến tiến hành hoạt động tại Việt Nam;</p> <p>b) Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài đang trong tình trạng tài chính lành mạnh và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu quản lý tại nước nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính;</p> <p>c) Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài không vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm của nước nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính trong thời hạn 03 năm liên tục gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.</p> <p>8. Văn bản cam kết của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này và</p>	<p>nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài tham gia góp vốn đáp ứng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 66 Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>6. Xác nhận của ngân hàng được phép hoạt động tại Việt Nam về mức vốn được cấp gửi tại tài khoản phong tỏa mở tại ngân hàng không thấp hơn mức vốn được cấp tối thiểu quy định tại Điều 36 Nghị định này. Trong đó, nêu rõ số tiền góp vốn, số tiền phong tỏa, mục đích phong tỏa, thời hạn phong tỏa và điều kiện để mở phong tỏa.</p> <p>7. Văn bản của cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm nước ngoài nơi doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài đặt trụ sở chính xác nhận:</p> <p>a) Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài được phép thành lập chi nhánh tại Việt Nam và đang hoạt động trong lĩnh vực dự kiến tiến hành hoạt động tại Việt Nam;</p> <p>b) Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài đang trong tình trạng tài chính lành mạnh và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu quản lý tại nước nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính;</p> <p>c) Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài không vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm của nước nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính trong thời hạn 03 năm liên tục gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.</p> <p>8. Văn bản cam kết của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này và</p>	

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>các khoản 1, 2 Điều 67 Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>9. Văn bản chứng minh tổ chức tham gia góp vốn hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn pháp định hoặc vốn điều lệ tối thiểu hoặc vốn tối thiểu đáp ứng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị định này.</p>	<p>các khoản 1, 2 Điều 67 Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>9. Văn bản chứng minh tổ chức tham gia góp vốn hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn pháp định hoặc vốn điều lệ tối thiểu hoặc vốn tối thiểu đáp ứng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị định này.</p>	
<p>Điều 15. Tiêu chuẩn chung về việc nộp, bổ sung hồ sơ, tài liệu</p> <p>1. Hồ sơ, tài liệu đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động nộp Bộ Tài chính phải được lập thành 02 bộ trong đó có 01 bộ là bản chính, 01 bộ là bản sao.</p> <p>2. Hồ sơ, tài liệu nộp Bộ Tài chính phải đáp ứng các quy định sau đây:</p> <p>a) Các tài liệu có chữ ký, chức danh và con dấu nước ngoài của tổ chức, cá nhân nước ngoài tại hồ sơ đề nghị phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ đề nghị, trừ các tài liệu sau đây: Văn bản đề nghị cấp Giấy phép; bản sao thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu; văn bản của cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp; văn bản ủy quyền; văn bản cam kết;</p> <p>b) Trường hợp hồ sơ có tài liệu là bản sao thì phải là bản sao từ sổ gốc hoặc được chứng thực;</p> <p>c) Đối với hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức, cá nhân nước ngoài, mỗi bộ gồm 01 bản bằng tiếng Việt và 01 bản bằng tiếng Anh, trừ các văn bản tiếng Việt là bản gốc (hoặc sao từ bản gốc tiếng Việt) được lập tại Việt Nam;</p> <p>d) Tài liệu được lập bằng tiếng nước ngoài phải được</p>	<p>Điều 15. Tiêu chuẩn chung về việc nộp, bổ sung hồ sơ, tài liệu</p> <p>1. Hồ sơ, tài liệu đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động nộp Bộ Tài chính phải được lập thành 02 bộ trong đó có 01 bộ là bản chính, 01 bộ là bản sao.</p> <p>2. Hồ sơ, tài liệu nộp Bộ Tài chính phải đáp ứng các quy định sau đây:</p> <p>a) Các tài liệu có chữ ký, chức danh và con dấu nước ngoài của tổ chức, cá nhân nước ngoài tại hồ sơ đề nghị phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ đề nghị, trừ các tài liệu sau đây: Văn bản đề nghị cấp Giấy phép; bản sao thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu; văn bản của cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp; văn bản ủy quyền; văn bản cam kết;</p> <p>b) Trường hợp hồ sơ có tài liệu là bản sao thì phải là bản sao từ sổ gốc hoặc được chứng thực;</p> <p>c) Đối với hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức, cá nhân nước ngoài, mỗi bộ gồm 01 bản bằng tiếng Việt và 01 bản bằng tiếng Anh, trừ các văn bản tiếng Việt là bản gốc (hoặc sao từ bản gốc tiếng Việt) được lập tại Việt Nam;</p> <p>d) Tài liệu được lập bằng tiếng nước ngoài phải được</p>	<p>Thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp.</p>

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>gửi kèm bản dịch chứng thực sang tiếng Việt bởi cơ quan có thẩm quyền. Bản dịch các báo cáo tài chính phải được xác nhận của tổ chức, cá nhân được phép hành nghề dịch thuật theo quy định của pháp luật;</p> <p>đ) Phiếu lý lịch tư pháp theo mẫu hoặc giấy tờ tương đương của người nước ngoài do pháp luật nước ngoài quy định được cơ quan có thẩm quyền cấp trước ngày nộp hồ sơ đề nghị không quá 12 tháng, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích và thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;</p> <p>e) Sơ yếu lý lịch phải được lập trước ngày nộp hồ sơ đề nghị không quá 06 tháng;</p> <p>g) Các xác nhận của ngân hàng về số dư tiền Đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi gửi tại ngân hàng được phép hoạt động tại Việt Nam quy định tại Nghị định này phải được lập trước ngày nộp hồ sơ đề nghị không quá 06 tháng;</p> <p>h) Trong mỗi bộ hồ sơ phải có danh mục tài liệu.</p> <p>3. Tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình lập hồ sơ, tài liệu phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của hồ sơ, tài liệu. Trường hợp tổ chức, cá nhân gian lận thông tin trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép để có đủ điều kiện được cấp giấy phép thì trong vòng 05 năm kể từ thời điểm phát hiện hành vi gian lận, Bộ Tài chính có quyền từ chối xem xét cấp Giấy phép đối với các tổ chức, cá nhân này.</p> <p>4. Khi các loại giấy tờ về lai lịch, nhân dạng của công dân Việt Nam thuộc thành phần hồ sơ quy định tại Nghị định này đã được tích hợp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công</p>	<p>gửi kèm bản dịch chứng thực sang tiếng Việt bởi cơ quan có thẩm quyền. Bản dịch các báo cáo tài chính phải được xác nhận của tổ chức, cá nhân được phép hành nghề dịch thuật theo quy định của pháp luật;</p> <p>đ) Phiếu lý lịch tư pháp theo mẫu hoặc giấy tờ tương đương của người nước ngoài do pháp luật nước ngoài quy định được cơ quan có thẩm quyền cấp trước ngày nộp hồ sơ đề nghị không quá 12 tháng, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích và thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;</p> <p>e) Sơ yếu lý lịch phải được lập trước ngày nộp hồ sơ đề nghị không quá 06 tháng;</p> <p>g) Các xác nhận của ngân hàng về số dư tiền Đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi gửi tại ngân hàng được phép hoạt động tại Việt Nam quy định tại Nghị định này phải được lập trước ngày nộp hồ sơ đề nghị không quá 06 tháng;</p> <p>h) Trong mỗi bộ hồ sơ phải có danh mục tài liệu.</p> <p>3. Tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình lập hồ sơ, tài liệu phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của hồ sơ, tài liệu. Trường hợp tổ chức, cá nhân gian lận thông tin trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép để có đủ điều kiện được cấp giấy phép thì trong vòng 05 năm kể từ thời điểm phát hiện hành vi gian lận, Bộ Tài chính có quyền từ chối xem xét cấp Giấy phép đối với các tổ chức, cá nhân này.</p> <p>4. Khi các loại giấy tờ về lai lịch, nhân dạng của công dân Việt Nam thuộc thành phần hồ sơ quy định tại Nghị định này đã được tích hợp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân</p>	

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>dân thi Bộ Tài chính có trách nhiệm khai thác và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân trên cơ sở trao đổi, cung cấp thông tin giữa các cơ quan quản lý nhà nước.</p>	<p>thi Bộ Tài chính có trách nhiệm khai thác và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân trên cơ sở trao đổi, cung cấp thông tin giữa các cơ quan quản lý nhà nước.</p>	
<p>Mục 2 THAY ĐỔI NỘI DUNG GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM, DOANH NGHIỆP TÁI BẢO HIỂM, CHI NHÁNH NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM</p>		
<p>Điều 19. Tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, vốn được cấp của chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam</p> <p>1. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm muốn tăng vốn điều lệ, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam muốn tăng vốn được cấp phải đáp ứng các điều kiện sau:</p> <p>a) Việc tăng vốn điều lệ, vốn được cấp được thực hiện bằng tiền Đồng Việt Nam;</p> <p>b) Cổ đông, thành viên góp vốn của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, công ty mẹ của chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam không được sử dụng vốn vay, nguồn vốn ủy thác đầu tư của các tổ chức, cá nhân khác để bổ sung vốn điều lệ, vốn được cấp cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam;</p> <p>c) Sau khi tăng vốn điều lệ, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm vẫn phải bảo đảm đáp ứng điều kiện về cơ cấu cổ đông quy định tại Điều 66 Luật Kinh doanh bảo hiểm đối với công ty cổ phần.</p> <p>Đối với các công ty cổ phần được thành lập trước</p>	<p>Điều 19. Tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, vốn được cấp của chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam</p> <p>1. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm muốn tăng vốn điều lệ, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam muốn tăng vốn được cấp phải đáp ứng các điều kiện sau:</p> <p>a) Việc tăng vốn điều lệ, vốn được cấp được thực hiện bằng tiền Đồng Việt Nam;</p> <p>b) Cổ đông, thành viên góp vốn của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, công ty mẹ của chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam không được sử dụng vốn vay, nguồn vốn ủy thác đầu tư của các tổ chức, cá nhân khác để bổ sung vốn điều lệ, vốn được cấp cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam;</p> <p>c) Sau khi tăng vốn điều lệ, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm vẫn phải bảo đảm đáp ứng điều kiện về cơ cấu cổ đông quy định tại Điều 66 Luật Kinh doanh bảo hiểm đối với công ty cổ phần.</p> <p>Đối với các công ty cổ phần được thành lập trước</p>	

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2023, việc áp dụng quy định về cơ cấu cổ đông quy định tại Điều 66 Luật Kinh doanh bảo hiểm đối với công ty cổ phần được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.</p> <p>d) Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm thực hiện bổ sung vốn điều lệ từ nguồn vốn góp của cổ đông, thành viên góp vốn mới thì cổ đông, thành viên góp vốn mới này phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 64 và Điều 65 Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>2. Hồ sơ đề nghị Bộ Tài chính chấp thuận về nguyên tắc để tăng vốn điều lệ (đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm), vốn được cấp (đối với chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam) bao gồm các tài liệu sau:</p> <p>a) Văn bản đề nghị thay đổi vốn điều lệ hoặc vốn được cấp theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>b) Văn bản của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ công ty (đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm) hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động (đối với chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam) về việc tăng vốn điều lệ (hoặc vốn được cấp), trong đó nêu rõ số vốn tăng thêm, phương thức tăng vốn và thời gian thực hiện;</p> <p>c) Phương án huy động và sử dụng vốn điều lệ hoặc vốn được cấp;</p> <p>d) Danh sách thành viên dự kiến góp vốn của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn), cổ đông dự kiến sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm (đối với công ty cổ phần) sau khi tăng vốn; tài liệu chứng minh các cổ</p>	<p>quy định về cơ cấu cổ đông quy định tại Điều 66 Luật Kinh doanh bảo hiểm đối với công ty cổ phần được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.</p> <p>d) Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm thực hiện bổ sung vốn điều lệ từ nguồn vốn góp của cổ đông, thành viên góp vốn mới thì cổ đông, thành viên góp vốn mới này phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 64 và Điều 65 Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>2. Hồ sơ đề nghị Bộ Tài chính chấp thuận về nguyên tắc để tăng vốn điều lệ (đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm), vốn được cấp (đối với chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam) bao gồm các tài liệu sau:</p> <p>a) Văn bản đề nghị thay đổi vốn điều lệ hoặc vốn được cấp theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>b) Văn bản của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ công ty (đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm) hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động (đối với chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam) về việc tăng vốn điều lệ (hoặc vốn được cấp), trong đó nêu rõ số vốn tăng thêm, phương thức tăng vốn và thời gian thực hiện;</p> <p>c) Phương án huy động và sử dụng vốn điều lệ hoặc vốn được cấp;</p> <p>d) Danh sách thành viên dự kiến góp vốn của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn), cổ đông dự kiến sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm (đối với công ty cổ phần) sau khi tăng vốn; tài liệu chứng minh các cổ</p>	

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>phần) sau khi tăng vốn; tài liệu chứng minh các cổ đông, thành viên góp vốn mới đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 64 và Điều 65 Luật Kinh doanh bảo hiểm. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp tăng vốn điều lệ theo phương thức chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán chứng khoán của công ty cổ phần niêm yết và đại chúng.</p> <p>3. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có văn bản chấp thuận về nguyên tắc. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính có văn bản giải thích rõ lý do.</p> <p>4. Đối với trường hợp tăng vốn điều lệ theo phương thức chào bán cổ phần ra công chúng, chào bán cổ phần của công ty cổ phần niêm yết và đại chúng, sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận về nguyên tắc, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm thực hiện phát hành theo quy định của Luật Chứng khoán.</p> <p>5. Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày được Bộ Tài chính chấp thuận về nguyên tắc đề nghị tăng vốn điều lệ hoặc vốn được cấp, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam hoàn thành việc thay đổi vốn và nộp Bộ Tài chính 01 bộ hồ sơ bao gồm:</p> <p>a) Báo cáo tóm tắt về kết quả thực hiện việc tăng vốn điều lệ (hoặc vốn được cấp) theo phương án thay đổi vốn đã được Bộ Tài chính chấp thuận;</p> <p>b) Xác nhận của ngân hàng về việc các cổ đông (hoặc thành viên) góp vốn đã nộp đủ số vốn tăng thêm cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm hoặc doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài đã cấp đủ vốn tăng thêm cho chi nhánh nước ngoài tại Việt</p>	<p>đông, thành viên góp vốn mới đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 64 và Điều 65 Luật Kinh doanh bảo hiểm. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp tăng vốn điều lệ theo phương thức chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán chứng khoán của công ty cổ phần niêm yết và đại chúng.</p> <p>3. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có văn bản chấp thuận về nguyên tắc. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính có văn bản giải thích rõ lý do.</p> <p>4. Đối với trường hợp tăng vốn điều lệ theo phương thức chào bán <u>phát hành</u> cổ phần ra công chúng, chào bán cổ phần của công ty cổ phần niêm yết và đại chúng, sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận về nguyên tắc, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm thực hiện phát hành theo quy định của Luật Chứng khoán.</p> <p>5. Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày được Bộ Tài chính chấp thuận về nguyên tắc đề nghị tăng vốn điều lệ hoặc vốn được cấp, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam hoàn thành việc thay đổi vốn và nộp Bộ Tài chính 01 bộ hồ sơ bao gồm:</p> <p>a) Báo cáo tóm tắt về kết quả thực hiện việc tăng vốn điều lệ (hoặc vốn được cấp) theo phương án thay đổi vốn đã được Bộ Tài chính chấp thuận;</p> <p>b) Xác nhận của ngân hàng về việc các cổ đông (hoặc thành viên) góp vốn đã nộp đủ số vốn tăng thêm cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm hoặc doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài đã cấp đủ vốn tăng thêm cho chi nhánh nước ngoài tại Việt</p>	

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>đã cấp đủ vốn tăng thêm cho chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam (đối với trường hợp tăng vốn) vào tài khoản phong tỏa; hoặc xác nhận đã đăng ký bổ sung chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong trường hợp tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu thường từ nguồn thặng dư vốn cổ phần;</p> <p>c) Các tài liệu theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều này đối với trường hợp tăng vốn điều lệ theo phương thức chào bán cổ phần ra công chúng, chào bán cổ phần của công ty cổ phần niêm yết và đại chúng.</p> <p>6. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính có văn bản giải thích rõ lý do.</p> <p>7. Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày được Bộ Tài chính chấp thuận về nguyên tắc đề nghị tăng vốn điều lệ hoặc vốn được cấp, nếu doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam không thực hiện được phương án thay đổi mức vốn đã được chấp thuận thì phải báo cáo Bộ Tài chính phương án xử lý. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp bổ sung vốn điều lệ nhằm đáp ứng quy định về quản lý vốn chủ sở hữu tại khoản 3 Điều 37 Nghị định này.</p>	<p>Nam (đối với trường hợp tăng vốn) vào tài khoản phong tỏa; hoặc xác nhận đã đăng ký bổ sung chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong trường hợp tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu thường, <u>phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu; từ nguồn thặng dư vốn cổ phần;</u></p> <p>c) Các tài liệu theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều này đối với trường hợp tăng vốn điều lệ theo phương thức chào bán cổ phần ra công chúng, chào bán cổ phần của công ty cổ phần niêm yết và đại chúng.</p> <p>6. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính có văn bản giải thích rõ lý do.</p> <p>7. Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày được Bộ Tài chính chấp thuận về nguyên tắc đề nghị tăng vốn điều lệ hoặc vốn được cấp, nếu doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam không thực hiện được phương án thay đổi mức vốn đã được chấp thuận thì phải báo cáo Bộ Tài chính phương án xử lý. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp bổ sung vốn điều lệ nhằm đáp ứng quy định về quản lý vốn chủ sở hữu tại khoản 3 Điều 37 Nghị định này.</p>	
<p>Điều 22. Chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp dẫn đến cổ đông, thành viên góp vốn sở hữu 10% vốn điều lệ trở lên hoặc giảm xuống dưới 10%</p>	<p>Điều 22. Chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp dẫn đến cổ đông, thành viên góp vốn sở hữu 10% vốn điều lệ trở lên hoặc giảm xuống dưới 10% vốn</p>	<p>Đảm bảo thống nhất trong hồ sơ đề nghị chuyển nhượng cổ phần, phần vốn.</p>

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>vốn điều lệ</p> <p>1. Việc mua bán, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp dẫn đến cổ đông, thành viên góp vốn sở hữu 10% vốn điều lệ trở lên hoặc giảm xuống dưới 10% vốn điều lệ phải đáp ứng các điều kiện sau:</p> <p>a) Không gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bên mua bảo hiểm, người lao động và Nhà nước;</p> <p>b) Tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan;</p> <p>c) Tổ chức nhận chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp để chiếm trên 10% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 64, các Điều 65, 66 Luật Kinh doanh bảo hiểm tương ứng với loại hình doanh nghiệp và Điều 11 Nghị định này;</p> <p>d) Sau khi thực hiện việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm vẫn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a khoản 2, các khoản 3, 4 Điều 64 Luật Kinh doanh bảo hiểm và điều kiện về cơ cấu cổ đông quy định tại Điều 66 Luật Kinh doanh bảo hiểm đối với công ty cổ phần.</p> <p>2. Hồ sơ đề nghị chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp dẫn đến cổ đông, thành viên góp vốn sở hữu 10% vốn điều lệ trở lên hoặc giảm xuống dưới 10% vốn điều lệ bao gồm:</p> <p>a) Văn bản đề nghị được chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>b) Văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ công ty về việc chuyển nhượng</p>	<p>điều lệ</p> <p>1. Việc mua bán, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp dẫn đến cổ đông, thành viên góp vốn sở hữu 10% vốn điều lệ trở lên hoặc giảm xuống dưới 10% vốn điều lệ phải đáp ứng các điều kiện sau:</p> <p>a) Không gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bên mua bảo hiểm, người lao động và Nhà nước;</p> <p>b) Tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan;</p> <p>c) Tổ chức nhận chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp để chiếm trên 10% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 64, các Điều 65, 66 Luật Kinh doanh bảo hiểm tương ứng với loại hình doanh nghiệp và Điều 11 Nghị định này;</p> <p>d) Sau khi thực hiện việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm vẫn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a khoản 2, các khoản 3, 4 Điều 64 Luật Kinh doanh bảo hiểm và điều kiện về cơ cấu cổ đông quy định tại Điều 66 Luật Kinh doanh bảo hiểm đối với công ty cổ phần.</p> <p>2. Hồ sơ đề nghị chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp dẫn đến cổ đông, thành viên góp vốn sở hữu 10% vốn điều lệ trở lên hoặc giảm xuống dưới 10% vốn điều lệ bao gồm:</p> <p>a) Văn bản đề nghị được chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>b) Văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ công ty về việc chuyển nhượng</p>	

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>cổ phần, phần vốn góp;</p> <p>c) Danh sách cổ đông (hoặc thành viên) góp vốn, vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm hình thành sau khi chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp; các tài liệu chứng minh tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp trên 10% vốn điều lệ và doanh nghiệp sau khi chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp giao dịch chuyển nhượng thực hiện thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán đối với công ty niêm yết;</p> <p>d) Bản sao từ sổ gốc hoặc được chứng thực của hợp đồng nguyên tắc về chuyển nhượng (trừ trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán);</p> <p>đ) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính liền kề trước năm nộp hồ sơ xin chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp đối với các cổ đông, thành viên góp vốn là tổ chức; xác nhận của ngân hàng được phép hoạt động tại Việt Nam về số dư tiền Đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi gửi tại ngân hàng đối với cổ đông là cá nhân;</p> <p>e) Văn bản cam kết của các cổ đông đối với việc đáp ứng điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có văn bản chấp thuận. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính phải nêu rõ lý do.</p> <p>4. Trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày hoàn thành</p>	<p>cổ phần, phần vốn góp;</p> <p>c) Danh sách cổ đông (hoặc thành viên) góp vốn, vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm hình thành sau khi chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp; các tài liệu chứng minh tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp trên 10% vốn điều lệ và doanh nghiệp sau khi chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp giao dịch chuyển nhượng thực hiện thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán đối với công ty niêm yết;</p> <p>d) Bản sao từ sổ gốc hoặc được chứng thực của hợp đồng nguyên tắc về chuyển nhượng (trừ trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán);</p> <p>đ) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính liền kề trước năm nộp hồ sơ xin chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp đối với các cổ đông, thành viên góp vốn là tổ chức; xác nhận của ngân hàng được phép hoạt động tại Việt Nam về số dư tiền Đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi gửi tại ngân hàng đối với cổ đông là cá nhân;</p> <p>e) Văn bản cam kết của các cổ đông, <u>thành viên góp vốn</u> đối với việc đáp ứng điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có văn bản chấp thuận. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính phải nêu rõ lý do.</p>	

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp theo phương án đã được chấp thuận, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm phải nộp Bộ Tài chính 01 bộ hồ sơ bao gồm:</p> <p>a) Báo cáo kết quả thực hiện việc chuyển nhượng phần vốn góp;</p> <p>b) Các tài liệu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này đối với trường hợp việc chuyển nhượng được thực hiện trên thị trường chứng khoán đối với công ty niêm yết;</p> <p>c) Văn bản xác nhận của các bên về việc đã hoàn thành các nghĩa vụ và trách nhiệm có liên quan trong việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp;</p> <p>d) Xác nhận của ngân hàng về việc chuyển tiền;</p> <p>đ) Xác nhận về việc hoàn thành các nghĩa vụ về thuế liên quan đến việc chuyển nhượng (nếu có).</p> <p>5. Trường hợp không thực hiện được phương án chuyển nhượng vốn đã được chấp thuận, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm phải báo cáo Bộ Tài chính phương án xử lý.</p> <p>6. Trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của doanh nghiệp bảo hiểm về kết quả thực hiện chuyển nhượng phần vốn góp, Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này.</p>	<p>4. Trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp theo phương án đã được chấp thuận, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm phải nộp Bộ Tài chính 01 bộ hồ sơ bao gồm:</p> <p>a) Báo cáo kết quả thực hiện việc chuyển nhượng phần vốn góp;</p> <p>b) Các tài liệu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này đối với trường hợp việc chuyển nhượng được thực hiện trên thị trường chứng khoán đối với công ty niêm yết;</p> <p>c) Văn bản xác nhận của các bên về việc đã hoàn thành các nghĩa vụ và trách nhiệm có liên quan trong việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp;</p> <p>d) Xác nhận của ngân hàng về việc chuyển tiền;</p> <p>đ) Xác nhận về việc hoàn thành các nghĩa vụ về thuế liên quan đến việc chuyển nhượng (nếu có).</p> <p>5. Trường hợp không thực hiện được phương án chuyển nhượng vốn đã được chấp thuận, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm phải báo cáo Bộ Tài chính phương án xử lý.</p> <p>6. Trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của doanh nghiệp bảo hiểm về kết quả thực hiện chuyển nhượng phần vốn góp, Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này.</p>	
<p>Điều 24. Bổ nhiệm, thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị (Chủ tịch Hội đồng thành viên), Tổng Giám đốc (Giám đốc), Chuyên gia tính toán.</p>	<p>Điều 24. Bổ nhiệm, Thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị (Chủ tịch Hội đồng thành viên), Tổng Giám đốc (Giám đốc), Chuyên gia tính toán.</p>	<p>Sửa đổi nhằm bảo đảm phù hợp với Luật Công chứng 2024 và Luật Căn cước 2023.</p>

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>1. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản trước khi bổ nhiệm hoặc thay đổi các chức danh sau:</p> <p>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm;</p> <p>b) Tổng Giám đốc (Giám đốc);</p> <p>c) Chuyên gia tính toán.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Chuyên gia tính toán dự kiến được bổ nhiệm phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 81 Luật Kinh doanh bảo hiểm, Chuyên gia tính toán phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 29 và Điều 30 Nghị định này.</p> <p>3. Hồ sơ bổ nhiệm, thay đổi các chức danh quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm các tài liệu sau:</p> <p>a) Văn bản đề nghị bổ nhiệm, thay đổi theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>b) Văn bản của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ công ty (đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm) hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động (đối với chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam);</p> <p>c) Phiếu lý lịch tư pháp theo mẫu hoặc giấy tờ tương đương của người nước ngoài do pháp luật nước ngoài quy định đáp ứng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 15 Nghị định này; bản sao thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu; sơ yếu lý lịch, bản sao công chứng văn bản chứng</p>	<p>1. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản trước khi bổ nhiệm hoặc thay đổi các chức danh sau:</p> <p>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm;</p> <p>b) Tổng Giám đốc (Giám đốc);</p> <p>c) Chuyên gia tính toán.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Chuyên gia tính toán dự kiến được bổ nhiệm phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 81 Luật Kinh doanh bảo hiểm, Chuyên gia tính toán phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 29 và Điều 30 Nghị định này.</p> <p>3. Hồ sơ bổ nhiệm, thay đổi các chức danh quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm các tài liệu sau:</p> <p>a) Văn bản đề nghị bổ nhiệm, thay đổi theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>b) Văn bản của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ công ty (đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm) hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động (đối với chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam);</p> <p>c) Phiếu lý lịch tư pháp theo mẫu hoặc giấy tờ tương đương của người nước ngoài do pháp luật nước ngoài quy định đáp ứng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 15 Nghị định này; bản sao thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu; sơ yếu lý lịch, bản sao công chứng văn bản chứng</p>	

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>minh kinh nghiệm làm việc, thời gian giữ vị trí người quản lý, người kiểm soát, bản sao có công chứng văn bằng, chứng chỉ chứng minh trình độ và năng lực chuyên môn của người dự kiến được bổ nhiệm hoặc thay đổi. Trường hợp các tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch công chứng;</p> <p>d) Văn bản cam kết của người dự kiến được bổ nhiệm là Tổng Giám đốc (Giám đốc) và Chuyên gia tính toán sẽ làm việc cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm và cư trú tại Việt Nam sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận.</p> <p>4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có văn bản chấp thuận. Trong trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính có văn bản giải thích rõ lý do.</p>	<p>chứng minh kinh nghiệm làm việc, thời gian giữ vị trí người quản lý, người kiểm soát <u>và đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn chung về không bị xử lý kỹ thuật</u>, bản sao có công chứng văn bằng, chứng chỉ chứng minh trình độ và năng lực chuyên môn của người dự kiến được bổ nhiệm hoặc thay đổi. Trường hợp các tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch công chứng;¹ <u>Các tài liệu này phải đáp ứng tiêu chuẩn chung về việc nộp, bổ sung hồ sơ, tài liệu quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này.</u></p> <p>d) Văn bản cam kết của người dự kiến được bổ nhiệm là Tổng Giám đốc (Giám đốc) và Chuyên gia tính toán sẽ làm việc cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam và cư trú tại Việt Nam sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận <u>và đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn chung.</u></p> <p>4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có văn bản chấp thuận. Trong trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính có văn bản giải thích rõ lý do.</p>	
<p>Điều 25. Mở, chấm dứt, thay đổi địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm</p> <p>1. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày có quyết định của cấp có thẩm quyền về việc mở, chấm dứt, thay đổi địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt</p>	<p>Điều 25. Mở, chấm dứt, thay đổi <u>tên</u>², địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm</p> <p>1. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày có quyết định của cấp có thẩm quyền về việc mở, chấm dứt, thay đổi <u>tên</u>, địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt</p>	<p>Phù hợp với các khoản 4 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p>

¹ Tiếp thu ý kiến NT

² Sửa theo sửa đổi tại Điều 74 Luật KDBH

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>1. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản trước khi bổ nhiệm hoặc thay đổi các chức danh sau:</p> <p>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm;</p> <p>b) Tổng Giám đốc (Giám đốc);</p> <p>c) Chuyên gia tính toán.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Chuyên gia tính toán dự kiến được bổ nhiệm phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 81 Luật Kinh doanh bảo hiểm, Chuyên gia tính toán phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 29 và Điều 30 Nghị định này.</p> <p>3. Hồ sơ bổ nhiệm, thay đổi các chức danh quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm các tài liệu sau:</p> <p>a) Văn bản đề nghị bổ nhiệm, thay đổi theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>b) Văn bản của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ công ty (đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm) hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động (đối với chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam);</p> <p>c) Phiếu lý lịch tư pháp theo mẫu hoặc giấy tờ tương đương của người nước ngoài do pháp luật nước ngoài quy định đáp ứng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 15 Nghị định này; bản sao thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu; sơ yếu lý lịch, bản sao công chứng văn bản chứng</p>	<p>1. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản trước khi bổ nhiệm hoặc thay đổi các chức danh sau:</p> <p>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm;</p> <p>b) Tổng Giám đốc (Giám đốc);</p> <p>c) Chuyên gia tính toán.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Chuyên gia tính toán dự kiến được bổ nhiệm phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 81 Luật Kinh doanh bảo hiểm, Chuyên gia tính toán phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 29 và Điều 30 Nghị định này.</p> <p>3. Hồ sơ bổ nhiệm, thay đổi các chức danh quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm các tài liệu sau:</p> <p>a) Văn bản đề nghị bổ nhiệm, thay đổi theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>b) Văn bản của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ công ty (đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm) hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động (đối với chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam);</p> <p>c) Phiếu lý lịch tư pháp theo mẫu hoặc giấy tờ tương đương của người nước ngoài do pháp luật nước ngoài quy định đáp ứng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 15 Nghị định này; bản sao thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu; sơ yếu lý lịch, bản sao công chứng văn bản chứng</p>	

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>minh kinh nghiệm làm việc, thời gian giữ vị trí người quản lý, người kiểm soát, bản sao có công chứng văn bằng, chứng chỉ chứng minh trình độ và năng lực chuyên môn của người dự kiến được bổ nhiệm hoặc thay đổi. Trường hợp các tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch công chứng;</p> <p>d) Văn bản cam kết của người dự kiến được bổ nhiệm là Tổng Giám đốc (Giám đốc) và Chuyên gia tính toán sẽ làm việc cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm và cư trú tại Việt Nam sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận.</p> <p>4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có văn bản chấp thuận. Trong trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính có văn bản giải thích rõ lý do.</p>	<p>chứng minh kinh nghiệm làm việc, thời gian giữ vị trí người quản lý, người kiểm soát <u>và đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn chung về không bị xử lý kỷ thuật</u>, bản sao có công chứng văn bằng, chứng chỉ chứng minh trình độ và năng lực chuyên môn của người dự kiến được bổ nhiệm hoặc thay đổi. Trường hợp các tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch công chứng; <u>Các tài liệu này phải đáp ứng tiêu chuẩn chung về việc nộp, bổ sung hồ sơ, tài liệu quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này.</u></p> <p>d) Văn bản cam kết của người dự kiến được bổ nhiệm là Tổng Giám đốc (Giám đốc) và Chuyên gia tính toán sẽ làm việc cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam và cư trú tại Việt Nam sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận <u>và đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn chung.</u></p> <p>4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có văn bản chấp thuận. Trong trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính có văn bản giải thích rõ lý do.</p>	
<p>Điều 25. Mở, chấm dứt, thay đổi địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm</p> <p>1. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày có quyết định của cấp có thẩm quyền về việc mở, chấm dứt, thay đổi địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm phải gửi thông báo bằng văn bản đến Bộ Tài chính kèm các tài liệu sau:</p> <p>a) Văn bản của cấp có thẩm quyền theo quy định tại</p>	<p>Điều 25. Mở, chấm dứt, thay đổi <u>tên</u>, địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm</p> <p>1. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày có quyết định của cấp có thẩm quyền về việc mở, chấm dứt, thay đổi <u>tên</u>, địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm phải gửi thông báo bằng văn bản đến Bộ Tài chính kèm các tài liệu sau:</p> <p>a) Văn bản của cấp có thẩm quyền theo quy định tại</p>	<p>Phù hợp với các khoản 4 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p>

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>Điều lệ công ty về việc mở, chấm dứt, thay đổi địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện;</p> <p>b) Báo cáo trách nhiệm, các vấn đề phát sinh và phương án xử lý khi chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, đảm bảo không gây thiệt hại đến các nghĩa vụ hiện tại đối với nhà nước, quyền lợi của bên mua bảo hiểm và các đối tượng khác có liên quan;</p> <p>c) Bằng chứng về quyền sử dụng địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện trong trường hợp mở, thay đổi địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện.</p> <p>2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có công văn ghi nhận việc mở, chấm dứt, thay đổi địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm và thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh.</p>	<p>Điều lệ công ty về việc mở, chấm dứt, thay đổi <u>tên</u> địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện;</p> <p>b) Báo cáo trách nhiệm, các vấn đề phát sinh và phương án xử lý khi chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, đảm bảo không gây thiệt hại đến các nghĩa vụ hiện tại đối với nhà nước, quyền lợi của bên mua bảo hiểm và các đối tượng khác có liên quan;</p> <p>c) Bằng chứng về quyền sử dụng địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện trong trường hợp mở, thay đổi địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện.</p> <p>2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có công văn ghi nhận việc mở, chấm dứt, thay đổi <u>tên</u> địa điểm chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm.</p>	
<p>Mục 3</p> <p>TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG</p>		
<p>Điều 26. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên</p> <p>1. Các tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>2. Có bằng từ đại học trở lên của một trong các chuyên ngành bảo hiểm, kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán. Trong vòng một năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải rà</p>	<p>Điều 26. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên</p> <p>1. Các tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>2. Có bằng từ đại học trở lên của một trong các chuyên ngành bảo hiểm, kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán. Trong vòng một năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải rà</p>	<p>Thực hiện Nghị quyết số 198/2025/QH15 về cắt giảm và đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh cho doanh nghiệp.</p>

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>soát, bảo đảm đáp ứng quy định này.</p> <p>3. Trưởng ban kiểm soát có tối thiểu 05 năm trực tiếp làm việc trong một hoặc các lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng hoặc có tối thiểu 03 năm giữ một trong các vị trí là người quản lý, điều hành, kiểm soát tại doanh nghiệp hoạt động trong một hoặc các lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng; kiểm soát viên có tối thiểu 03 năm trực tiếp làm việc trong một hoặc các lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng.</p> <p>4. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và người quản lý khác. Việc xác định người có quan hệ gia đình thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.</p> <p>5. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.</p>	<p>soát, bảo đảm đáp ứng quy định này.</p> <p>3. Trưởng ban kiểm soát có tối thiểu 05 năm trực tiếp làm việc trong một hoặc các lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng hoặc có tối thiểu 03 năm giữ một trong các vị trí là người quản lý, điều hành, kiểm soát tại doanh nghiệp hoạt động trong một hoặc các lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng; kiểm soát viên có tối thiểu 03 năm trực tiếp làm việc trong một hoặc các lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng.</p> <p>4. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và người quản lý khác. Việc xác định người có quan hệ gia đình thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.</p> <p>5. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.</p>	
<p>Điều 27. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ</p> <p>1. Các tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>2. Có bằng từ đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm. Trường hợp không có bằng từ đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm thì phải có bằng từ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán và có chứng chỉ bảo hiểm do các cơ sở đào tạo về bảo hiểm được thành lập và hoạt động hợp pháp trong hoặc ngoài nước cấp.</p> <p>3. Có tối thiểu 03 năm trực tiếp làm việc trong một hoặc các lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng, kế</p>	<p>Điều 27. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ</p> <p>1. Các tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>2. Có bằng từ đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm. Trường hợp không có bằng từ đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm thì phải có bằng từ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán và có chứng chỉ bảo hiểm do các cơ sở đào tạo về bảo hiểm được thành lập và hoạt động hợp pháp trong hoặc ngoài nước cấp.</p> <p>3. Có tối thiểu 03 năm trực tiếp làm việc trong một hoặc các lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng, kế</p>	<p>Thực hiện Nghị quyết số 198/2025/QH15 về cắt giảm và đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh cho doanh nghiệp</p>

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>toán, kiểm toán.</p> <p>4. Quy định tại khoản 2 Điều này có hiệu lực sau 01 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.</p>	<p>toán, kiểm toán.</p> <p>4. Quy định tại khoản 2 Điều này có hiệu lực sau 01 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.</p>	
<p>Điều 28. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với Trưởng bộ phận quản trị rủi ro, Trưởng bộ phận kiểm soát tuân thủ</p> <p>1. Các tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>2. Trưởng bộ phận quản trị rủi ro phải có bằng từ đại học trở lên về chuyên ngành quản trị rủi ro hoặc tính toán bảo hiểm. Trường hợp không có bằng từ đại học trở lên về chuyên ngành quản trị rủi ro hoặc tính toán bảo hiểm thì phải có bằng từ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành bảo hiểm, kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán và có chứng chỉ đào tạo về quản trị rủi ro hoặc tính toán bảo hiểm do các cơ sở đào tạo được thành lập hợp pháp trong và ngoài nước cấp.</p> <p>3. Trưởng bộ phận kiểm soát tuân thủ phải có bằng từ đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm. Trường hợp không có bằng từ đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm thì phải có bằng từ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán và có chứng chỉ bảo hiểm do các cơ sở đào tạo về bảo hiểm được thành lập và hoạt động hợp pháp trong hoặc ngoài nước cấp.</p> <p>4. Có tối thiểu 03 năm làm việc trực tiếp trong một hoặc các lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng.</p> <p>5. Quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này có hiệu lực sau 01 năm kể từ ngày Nghị định này có</p>	<p>Điều 28. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với Trưởng bộ phận quản trị rủi ro, Trưởng bộ phận kiểm soát tuân thủ</p> <p>1. Các tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>2. Trưởng bộ phận quản trị rủi ro phải có bằng từ đại học trở lên về chuyên ngành quản trị rủi ro hoặc tính toán bảo hiểm. Trường hợp không có bằng từ đại học trở lên về chuyên ngành quản trị rủi ro hoặc tính toán bảo hiểm thì phải có bằng từ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành bảo hiểm, kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán và có chứng chỉ đào tạo về quản trị rủi ro hoặc tính toán bảo hiểm do các cơ sở đào tạo được thành lập hợp pháp trong và ngoài nước cấp.</p> <p>3. Trưởng bộ phận kiểm soát tuân thủ phải có bằng từ đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm. Trường hợp không có bằng từ đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm thì phải có bằng từ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán <u>trong đó có môn học về bảo hiểm hoặc có bằng đại học trở lên về chuyên ngành khác</u> và có chứng chỉ bảo hiểm do các cơ sở đào tạo về bảo hiểm được thành lập và hoạt động hợp pháp trong hoặc ngoài nước cấp.</p> <p>4. Có tối thiểu 03 năm làm việc trực tiếp trong một hoặc các lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng.</p>	<p>Thực hiện Nghị quyết số 198/2025/QH15 về cắt giảm và đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh cho doanh nghiệp.</p>

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
hiệu lực.	5. Quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này có hiệu lực sau 01 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.	
<p>Điều 29. Điều kiện, tiêu chuẩn của chuyên gia tính toán (Appointed Actuary) của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe</p> <p>1. Các tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>2. Được đào tạo, có kinh nghiệm làm việc tối thiểu 10 năm về tính toán trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và có kinh nghiệm làm việc tối thiểu 05 năm kể từ khi là thành viên chính thức (Fellow) của một trong những Hội các nhà tính toán bảo hiểm được quốc tế thừa nhận rộng rãi như: Hội các nhà tính toán bảo hiểm Vương quốc Anh, Hội các nhà tính toán bảo hiểm Hoa Kỳ, Hội các nhà tính toán bảo hiểm Úc, Hội các nhà tính toán bảo hiểm Ca-na-đa hoặc Hội các nhà tính toán bảo hiểm là thành viên chính thức của Hội các nhà tính toán bảo hiểm quốc tế.</p> <p>3. Không vi phạm quy tắc đạo đức hành nghề tính toán bảo hiểm.</p> <p>4. Là người lao động tại doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe.</p> <p>5. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>6. Quy định này không áp dụng đối với các chức danh chuyên gia tính toán đã được Bộ Tài chính phê chuẩn trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực.</p>	<p>Điều 29. Điều kiện, tiêu chuẩn của chuyên gia tính toán (Appointed Actuary) của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe</p> <p>1. Các tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>2. Được đào tạo, có kinh nghiệm làm việc tối thiểu 10 năm về tính toán trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và có kinh nghiệm làm việc tối thiểu 05 năm kể từ khi là thành viên chính thức (Fellow) của một trong những Hội các nhà tính toán bảo hiểm được quốc tế thừa nhận rộng rãi như: Hội các nhà tính toán bảo hiểm Vương quốc Anh, Hội các nhà tính toán bảo hiểm Hoa Kỳ, Hội các nhà tính toán bảo hiểm Úc, Hội các nhà tính toán bảo hiểm Ca-na-đa hoặc Hội các nhà tính toán bảo hiểm là thành viên chính thức của Hội các nhà tính toán bảo hiểm quốc tế.</p> <p>3. Không vi phạm quy tắc đạo đức hành nghề tính toán bảo hiểm.</p> <p>4. Là người lao động tại doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe.</p> <p>5. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>6. Quy định này không áp dụng đối với các chức danh chuyên gia tính toán đã được Bộ Tài chính phê chuẩn trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực.</p>	Thực hiện Nghị quyết số 198/2025/QH15 về cắt giảm và đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh cho doanh nghiệp.
Điều 30. Điều kiện, tiêu chuẩn của chuyên gia tính toán của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ,	Điều 30. Điều kiện, tiêu chuẩn của chuyên gia tính toán của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ,	Thực hiện Nghị quyết số 198/2025/QH15 về cắt giảm và đơn giản hóa điều kiện đầu tư

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam</p> <p>1. Các tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>2. Là thành viên (Associate) của Hội các nhà tính toán bảo hiểm đang là thành viên chính thức của Hội các nhà tính toán bảo hiểm quốc tế; hoặc có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ và có bằng chứng chứng minh đã thi đạt tối thiểu 02 môn thi (exam) của một trong các Hội sau: Hội các nhà tính toán bảo hiểm Vương quốc Anh, Hội các nhà tính toán bảo hiểm Hoa Kỳ, Hội các nhà tính toán bảo hiểm Úc, Hội các nhà tính toán bảo hiểm Ca-na-đa hoặc các bằng chứng chứng minh đã thi đạt các môn thi theo khóa học, chương trình đào tạo chuyên ngành tính toán được các Hội trên công nhận tương đương với 02 môn thi của Hội.</p> <p>Sau 03 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, chuyên gia tính toán của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải tối thiểu là thành viên (Associate) của một trong những Hội các nhà tính toán bảo hiểm đang là thành viên chính thức của Hội các nhà tính toán bảo hiểm quốc tế và không vi phạm quy tắc đạo đức hành nghề tính toán bảo hiểm.</p> <p>Sau 05 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, chuyên gia tính toán của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải là thành viên chính thức (Fellow) được đào tạo về tính toán trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ của Hội các nhà tính toán bảo hiểm đang là thành viên chính thức của Hội các nhà tính toán bảo hiểm quốc tế và không vi phạm quy tắc</p>	<p>doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam</p> <p>1. Các tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>2. Là thành viên (Associate) của Hội các nhà tính toán bảo hiểm đang là thành viên chính thức của Hội các nhà tính toán bảo hiểm quốc tế; hoặc có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ và có bằng chứng chứng minh đã thi đạt tối thiểu 02 môn thi (exam) của một trong các Hội sau: Hội các nhà tính toán bảo hiểm Vương quốc Anh, Hội các nhà tính toán bảo hiểm Hoa Kỳ, Hội các nhà tính toán bảo hiểm Úc, Hội các nhà tính toán bảo hiểm Ca-na-đa hoặc các bằng chứng chứng minh đã thi đạt các môn thi theo khóa học, chương trình đào tạo chuyên ngành tính toán được các Hội trên công nhận tương đương với 02 môn thi của Hội.</p> <p>Sau 03 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, chuyên gia tính toán của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải tối thiểu là thành viên (Associate) của một trong những Hội các nhà tính toán bảo hiểm đang là thành viên chính thức của Hội các nhà tính toán bảo hiểm quốc tế và không vi phạm quy tắc đạo đức hành nghề tính toán bảo hiểm.</p> <p>Sau 05 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, chuyên gia tính toán của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải là thành viên chính thức (Fellow) được đào tạo về tính toán trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ của Hội các nhà tính toán bảo hiểm đang là thành viên chính thức của Hội các nhà tính toán bảo hiểm quốc tế và không vi phạm quy tắc</p>	<p>kinh doanh cho doanh nghiệp.</p>

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>đạo đức hành nghề tính toán bảo hiểm.</p> <p>3. Là người lao động tại doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam.</p> <p>4. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>5. Quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này có hiệu lực sau 01 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.</p>	<p>đạo đức hành nghề tính toán bảo hiểm.</p> <p>3. Là người lao động tại doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam.</p> <p>4. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>5. Quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này có hiệu lực sau 01 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.</p>	
<p>Mục 4</p> <p>HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ</p>		
<p>Điều 32. Thủ tục đăng ký phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm</p> <p>1. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài phải đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm của các sản phẩm bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm xe cơ giới, trừ bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới trước khi triển khai.</p> <p>2. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài phải nộp Bộ Tài chính 01 bộ hồ sơ đăng ký phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm bao gồm các tài liệu sau:</p> <p>a) Đơn đề nghị đăng ký phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>b) Bản tóm tắt các quyền lợi bảo hiểm và điều khoản loại trừ của sản phẩm bảo hiểm dự kiến triển khai;</p> <p>c) Tài liệu giải trình phương pháp, cơ sở tính phí bảo</p>	<p>Điều 32. Thủ tục đăng ký phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm</p> <p>1. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài phải đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm của các sản phẩm bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm xe cơ giới, trừ bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới trước khi triển khai.</p> <p>2. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài phải nộp Bộ Tài chính 01 bộ hồ sơ đăng ký phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm bao gồm các tài liệu sau:</p> <p>a) Đơn đề nghị đăng ký phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>b) Bản tóm tắt các quyền lợi bảo hiểm và điều khoản loại trừ của sản phẩm bảo hiểm dự kiến triển khai;</p> <p>c) Tài liệu giải trình phương pháp, cơ sở tính phí bảo</p>	<p>Thực hiện Nghị quyết số 198/2025/QH15 về cắt giảm và đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh cho doanh nghiệp và phù hợp với các điều đã sửa đổi, bổ sung ở dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p>

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>hiêm bao gồm tối thiểu các thông tin về công thức, phương pháp và cơ sở tính phí bảo hiểm; các khoản phí tính cho khách hàng đối với sản phẩm bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư và hưu trí. Tài liệu giải trình phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn.</p> <p>3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có văn bản chấp thuận phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính có văn bản giải thích rõ lý do.</p> <p>4. Trường hợp thay đổi phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm hoặc thay đổi quy tắc, điều kiện, điều khoản của sản phẩm bảo hiểm làm ảnh hưởng tới phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài nộp Bộ Tài chính 01 bộ hồ sơ đăng ký sửa đổi, bổ sung phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm bao gồm các tài liệu sau:</p> <p>a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>b) Tài liệu kỹ thuật giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung có xác nhận của chuyên gia tính toán.</p> <p>5. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có văn bản chấp thuận việc sửa đổi, bổ sung phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.</p>	<p>hiêm bao gồm tối thiểu các thông tin về công thức, phương pháp và cơ sở tính phí bảo hiểm; các khoản phí tính cho khách hàng đối với sản phẩm bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư và hưu trí. Tài liệu giải trình phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn.</p> <p>3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có văn bản chấp thuận phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính có văn bản giải thích rõ lý do.</p> <p>4. Trường hợp thay đổi phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm hoặc thay đổi quy tắc, điều kiện, điều khoản của sản phẩm bảo hiểm làm ảnh hưởng tới phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài nộp Bộ Tài chính 01 bộ hồ sơ đăng ký sửa đổi, bổ sung phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm bao gồm các tài liệu sau:</p> <p>a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>b) Tài liệu kỹ thuật giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung có xác nhận của chuyên gia tính toán.</p> <p>5. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có văn bản chấp thuận việc sửa đổi, bổ sung phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.</p>	

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính có văn bản giải thích rõ lý do.</p> <p>6. Trong thời gian 02 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực:</p> <p>a) Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ được tiếp tục triển khai sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, sản phẩm bảo hiểm sức khỏe đã được Bộ Tài chính phê chuẩn trước ngày Nghị định này có hiệu lực.</p> <p>b) Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được tiếp tục triển khai biểu phí của sản phẩm bảo hiểm sức khỏe có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống, sản phẩm bảo hiểm cho rủi ro từ vong có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống đã được Bộ Tài chính phê chuẩn trước ngày Nghị định này có hiệu lực; sản phẩm bảo hiểm sức khỏe đã triển khai trước ngày 01 tháng 10 năm 2012, sản phẩm bảo hiểm xe cơ giới đã được Bộ Tài chính chấp thuận đăng ký trước ngày Nghị định này có hiệu lực.</p> <p>c) Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài phải thực hiện rà soát và đăng ký lại phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm của các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm xe cơ giới nhằm đảm bảo đáp ứng quy định của Bộ Tài chính. Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm xe cơ giới đã được Bộ Tài chính phê chuẩn, chấp thuận đăng ký trước ngày Nghị định này có hiệu lực đã đáp ứng phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm theo quy định của Bộ Tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài không phải thực hiện đăng ký lại phương pháp,</p>	<p>Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính có văn bản giải thích rõ lý do.</p> <p><u>5a. Hồ sơ thông báo phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm của các sản phẩm bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới, trừ bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới:</u></p> <p><u>a) Văn bản thông báo phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm theo mẫu quy định tại Phụ lục ... ban hành kèm theo Nghị định này;</u></p> <p><u>c) Tài liệu giải trình phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn.</u></p> <p><u>5b. Trường hợp thay đổi phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm của các sản phẩm bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới, trừ bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài phải thông báo Bộ Tài chính theo hồ sơ quy định tại khoản 5a Điều này trước khi áp dụng.</u></p> <p>6. Trong thời gian 02 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực:</p> <p>a) Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ được tiếp tục triển khai sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, sản phẩm bảo hiểm sức khỏe đã được Bộ Tài chính phê chuẩn trước ngày Nghị định này có hiệu lực.</p> <p>b) Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được tiếp tục triển khai biểu phí của sản phẩm bảo hiểm sức khỏe có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống, sản phẩm bảo hiểm cho rủi ro từ vong có thời</p>	

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>cơ sở tính phí bảo hiểm.</p>	<p>hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống đã được Bộ Tài chính phê chuẩn trước ngày Nghị định này có hiệu lực, sản phẩm bảo hiểm sức khỏe đã triển khai trước ngày 01 tháng 10 năm 2012, sản phẩm bảo hiểm xe cơ giới đã được Bộ Tài chính chấp thuận đăng ký trước ngày Nghị định này có hiệu lực.</p> <p>c) Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài phải thực hiện rà soát và đăng ký lại phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm của các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm xe cơ giới nhằm đảm bảo đáp ứng quy định của Bộ Tài chính. Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm xe cơ giới đã được Bộ Tài chính phê chuẩn, chấp thuận đăng ký trước ngày Nghị định này có hiệu lực đã đáp ứng phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm theo quy định của Bộ Tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài không phải thực hiện đăng ký lại phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm.</p>	
<p>Mục 6 TÀI CHÍNH, HẠCH TOÁN KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH</p>		
<p>Điều 35. Vốn điều lệ tối thiểu</p> <p>1. Vốn điều lệ tối thiểu của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ:</p> <p>a) Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ (trừ bảo hiểm liên kết đơn vị, bảo hiểm hưu trí) và bảo hiểm sức khỏe: 750 tỷ đồng Việt Nam;</p> <p>b) Kinh doanh bảo hiểm theo quy định tại điểm a khoản này và bảo hiểm liên kết đơn vị hoặc bảo hiểm</p>	<p>Điều 35. Vốn điều lệ tối thiểu</p> <p>1. Vốn điều lệ tối thiểu của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ:</p> <p>a) Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ (trừ bảo hiểm liên kết đơn vị, bảo hiểm hưu trí) và bảo hiểm sức khỏe: 750 tỷ đồng Việt Nam;</p> <p>b) Kinh doanh bảo hiểm theo quy định tại điểm a khoản này và bảo hiểm liên kết đơn vị hoặc bảo hiểm</p>	<p>Phù hợp với khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p>

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>hưu trí: 1.000 tỷ đồng Việt Nam;</p> <p>c) Kinh doanh bảo hiểm theo quy định tại điểm a khoản này, bảo hiểm liên kết đơn vị và bảo hiểm hưu trí: 1.300 tỷ đồng Việt Nam.</p> <p>2. Vốn điều lệ tối thiểu của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ:</p> <p>a) Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ (trừ bảo hiểm hàng không, bảo hiểm vệ tinh) và bảo hiểm sức khỏe: 400 tỷ đồng Việt Nam;</p> <p>b) Kinh doanh bảo hiểm theo quy định tại điểm a khoản này và bảo hiểm hàng không hoặc bảo hiểm vệ tinh: 450 tỷ đồng Việt Nam;</p> <p>c) Kinh doanh bảo hiểm theo quy định tại điểm a khoản này, bảo hiểm hàng không và bảo hiểm vệ tinh: 500 tỷ đồng Việt Nam.</p> <p>3. Vốn điều lệ tối thiểu của doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe: 400 tỷ đồng Việt Nam.</p> <p>4. Vốn điều lệ tối thiểu của doanh nghiệp tái bảo hiểm:</p> <p>a) Kinh doanh tái bảo hiểm, nhận nhượng tái bảo hiểm phi nhân thọ hoặc cả hai loại hình tái bảo hiểm phi nhân thọ và tái bảo hiểm sức khỏe: 500 tỷ đồng Việt Nam;</p> <p>b) Kinh doanh tái bảo hiểm, nhận nhượng tái bảo hiểm nhân thọ hoặc cả hai loại hình tái bảo hiểm nhân thọ và tái bảo hiểm sức khỏe: 900 tỷ đồng Việt Nam;</p> <p>c) Kinh doanh tái bảo hiểm, nhận nhượng tái bảo hiểm cả 3 loại hình tái bảo hiểm nhân thọ, tái bảo hiểm phi nhân thọ và tái bảo hiểm sức khỏe: 1.400 tỷ</p>	<p>hưu trí: 1.000 tỷ đồng Việt Nam;</p> <p>c) Kinh doanh bảo hiểm theo quy định tại điểm a khoản này, bảo hiểm liên kết đơn vị và bảo hiểm hưu trí: 1.300 tỷ đồng Việt Nam.</p> <p>2. Vốn điều lệ tối thiểu của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ:</p> <p>a) Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ (trừ bảo hiểm hàng không, bảo hiểm vệ tinh), và bảo hiểm sức khỏe, <u>bảo hiểm tử kỳ có thời hạn từ 01 năm trở xuống</u>: 400 tỷ đồng Việt Nam;</p> <p>b) Kinh doanh bảo hiểm theo quy định tại điểm a khoản này và bảo hiểm hàng không hoặc bảo hiểm vệ tinh: 450 tỷ đồng Việt Nam;</p> <p>c) Kinh doanh bảo hiểm theo quy định tại điểm a khoản này, bảo hiểm hàng không và bảo hiểm vệ tinh: 500 tỷ đồng Việt Nam.</p> <p>3. Vốn điều lệ tối thiểu của doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe: 400 tỷ đồng Việt Nam.</p> <p>4. Vốn điều lệ tối thiểu của doanh nghiệp tái bảo hiểm:</p> <p>a) Kinh doanh tái bảo hiểm, nhận nhượng tái bảo hiểm phi nhân thọ hoặc cả hai loại hình tái bảo hiểm phi nhân thọ và tái bảo hiểm sức khỏe, <u>bảo hiểm tử kỳ có thời hạn từ 01 năm trở xuống</u>: 500 tỷ đồng Việt Nam;</p> <p>b) Kinh doanh tái bảo hiểm, nhận nhượng tái bảo hiểm nhân thọ hoặc cả hai loại hình tái bảo hiểm nhân thọ và tái bảo hiểm sức khỏe: 900 tỷ đồng Việt Nam;</p> <p>c) Kinh doanh tái bảo hiểm, nhận nhượng tái bảo</p>	

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>đồng Việt Nam.</p> <p>5. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm được thành lập, tổ chức và hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực có số vốn điều lệ thấp hơn mức vốn điều lệ tối thiểu quy định tại Điều này thì trước ngày 01 tháng 01 năm 2028 phải hoàn thành việc bổ sung đủ vốn điều lệ và ký quỹ theo quy định.</p>	<p>hiểm cả 3 loại hình tái bảo hiểm nhân thọ, tái bảo hiểm phi nhân thọ và tái bảo hiểm sức khỏe: 1.400 tỷ đồng Việt Nam.</p> <p>5. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm được thành lập, tổ chức và hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực có số vốn điều lệ thấp hơn mức vốn điều lệ tối thiểu quy định tại Điều này thì trước ngày 01 tháng 01 năm 2028 phải hoàn thành việc bổ sung đủ vốn điều lệ và ký quỹ theo quy định.</p>	
<p>Điều 36. Vốn được cấp tối thiểu</p> <p>1. Vốn được cấp tối thiểu của chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài:</p> <p>a) Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ (trừ các trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản này) và bảo hiểm sức khỏe: 250 tỷ đồng Việt Nam;</p> <p>b) Kinh doanh bảo hiểm theo quy định tại điểm a khoản này và bảo hiểm hàng không hoặc bảo hiểm vệ tinh: 300 tỷ đồng Việt Nam;</p> <p>c) Kinh doanh bảo hiểm theo quy định tại điểm a khoản này, bảo hiểm hàng không và bảo hiểm vệ tinh: 400 tỷ đồng Việt Nam.</p> <p>2. Vốn được cấp tối thiểu của chi nhánh doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài:</p> <p>a) Kinh doanh tái bảo hiểm, nhận nhượng tái bảo hiểm phi nhân thọ hoặc cả hai loại hình tái bảo hiểm phi nhân thọ và tái bảo hiểm sức khỏe: 400 tỷ đồng Việt Nam;</p> <p>b) Kinh doanh tái bảo hiểm, nhận nhượng tái bảo hiểm nhân thọ hoặc cả hai loại hình tái bảo hiểm</p>	<p>Điều 36. Vốn được cấp tối thiểu</p> <p>1. Vốn được cấp tối thiểu của chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài:</p> <p>a) Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ (trừ các trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản này), <u>và bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tử kỳ có thời hạn từ 01 năm trở xuống</u>: 250 tỷ đồng Việt Nam;</p> <p>b) Kinh doanh bảo hiểm theo quy định tại điểm a khoản này và bảo hiểm hàng không hoặc bảo hiểm vệ tinh: 300 tỷ đồng Việt Nam;</p> <p>c) Kinh doanh bảo hiểm theo quy định tại điểm a khoản này, bảo hiểm hàng không và bảo hiểm vệ tinh: 400 tỷ đồng Việt Nam.</p> <p>2. Vốn được cấp tối thiểu của chi nhánh doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài:</p> <p>a) Kinh doanh tái bảo hiểm, nhận nhượng tái bảo hiểm phi nhân thọ hoặc cả hai loại hình tái bảo hiểm phi nhân thọ và tái bảo hiểm sức khỏe, <u>bảo hiểm tử kỳ có thời hạn từ 01 năm trở xuống</u>: 400 tỷ đồng Việt Nam;</p>	<p>Để bảo đảm phù hợp với khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p>

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>nhân thọ và tái bảo hiểm sức khỏe: 450 tỷ đồng Việt Nam;</p> <p>c) Kinh doanh tái bảo hiểm, nhận nhượng tái bảo hiểm cả 3 loại hình tái bảo hiểm nhân thọ, tái bảo hiểm phi nhân thọ và tái bảo hiểm sức khỏe: 700 tỷ đồng Việt Nam.</p> <p>3. Chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập, tổ chức và hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực có số vốn được cấp thấp hơn mức vốn được cấp tối thiểu quy định tại Điều này thì trước ngày 01 tháng 01 năm 2028 phải hoàn thành việc bổ sung đủ vốn được cấp và ký quỹ theo quy định.</p>	<p>b) Kinh doanh tái bảo hiểm, nhận nhượng tái bảo hiểm nhân thọ hoặc cả hai loại hình tái bảo hiểm nhân thọ và tái bảo hiểm sức khỏe: 450 tỷ đồng Việt Nam;</p> <p>c) Kinh doanh tái bảo hiểm, nhận nhượng tái bảo hiểm cả 3 loại hình tái bảo hiểm nhân thọ, tái bảo hiểm phi nhân thọ và tái bảo hiểm sức khỏe: 700 tỷ đồng Việt Nam.</p> <p>3. Chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập, tổ chức và hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực có số vốn được cấp thấp hơn mức vốn được cấp tối thiểu quy định tại Điều này thì trước ngày 01 tháng 01 năm 2028 phải hoàn thành việc bổ sung đủ vốn được cấp và ký quỹ theo quy định.</p>	
<p>Điều 49. Doanh thu của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam</p> <p>1. Doanh thu của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam là số tiền phải thu phát sinh trong kỳ bao gồm:</p> <p>a) Doanh thu kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh tái bảo hiểm: Là số tiền phải thu phát sinh trong kỳ sau khi đã trừ các khoản phải chi để giảm thu phát sinh trong kỳ;</p> <p>b) Doanh thu cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm;</p> <p>c) Doanh thu hoạt động tài chính;</p> <p>d) Thu nhập hoạt động khác.</p> <p>2. Số tiền phải thu phát sinh trong kỳ theo quy định</p>	<p>Điều 49. Doanh thu của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam</p> <p>1. Doanh thu của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam là số tiền phải thu phát sinh trong kỳ bao gồm:</p> <p>a) Doanh thu kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh tái bảo hiểm: Là số tiền phải thu phát sinh trong kỳ sau khi đã trừ các khoản phải chi để giảm thu phát sinh trong kỳ;</p> <p>b) Doanh thu cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm;</p> <p>c) Doanh thu hoạt động tài chính;</p> <p>d) Thu nhập hoạt động khác.</p> <p>2. Số tiền phải thu phát sinh trong kỳ theo quy định</p>	<p>Sửa đổi để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm.</p>

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>tại điểm a khoản 1 Điều này bao gồm:</p> <p>a) Thu phí bảo hiểm gốc;</p> <p>b) Thu phí nhận tái bảo hiểm;</p> <p>c) Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm;</p> <p>d) Thu phí về dịch vụ đại lý bao gồm giám định tổn thất, xét giải quyết bồi thường, yêu cầu người thứ ba bồi hoàn, xử lý hàng bồi thường 100%;</p> <p>đ) Thu phí giám định tổn thất không kể giám định hộ giữa các đơn vị thành viên hạch toán nội bộ trong cùng một doanh nghiệp bảo hiểm hạch toán độc lập;</p> <p>e) Thu phí quản lý hợp đồng (leading fee) của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài đứng đầu trong trường hợp đồng bảo hiểm.</p> <p>3. Các khoản phải chi để giảm thu phát sinh trong kỳ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này bao gồm:</p> <p>a) Hoàn phí bảo hiểm;</p> <p>b) Giảm phí bảo hiểm;</p> <p>c) Phí nhượng tái bảo hiểm;</p> <p>d) Hoàn phí nhận tái bảo hiểm;</p> <p>đ) Giảm phí nhận tái bảo hiểm;</p> <p>e) Hoàn hoa hồng nhượng tái bảo hiểm;</p> <p>g) Giảm hoa hồng nhượng tái bảo hiểm.</p> <p>4. Doanh thu cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm: Thu từ cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm theo quy định tại Mục 3 Chương IV Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p>	<p>tại điểm a khoản 1 Điều này bao gồm:</p> <p>a) Thu phí bảo hiểm gốc;</p> <p>b) Thu phí nhận tái bảo hiểm;</p> <p>c) Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm <u>và thu khác liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm</u>;</p> <p>d) Thu phí về dịch vụ đại lý bao gồm giám định tổn thất, xét giải quyết bồi thường, yêu cầu người thứ ba bồi hoàn, xử lý hàng bồi thường 100%;</p> <p>đ) Thu phí giám định tổn thất không kể giám định hộ giữa các đơn vị thành viên hạch toán nội bộ trong cùng một doanh nghiệp bảo hiểm hạch toán độc lập;</p> <p>e) Thu phí quản lý hợp đồng (leading fee) của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài đứng đầu trong trường hợp đồng bảo hiểm.</p> <p>3. Các khoản phải chi để giảm thu phát sinh trong kỳ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này bao gồm:</p> <p>a) Hoàn phí bảo hiểm;</p> <p>b) Giảm phí bảo hiểm;</p> <p>c) Phí nhượng tái bảo hiểm;</p> <p>d) Hoàn phí nhận tái bảo hiểm;</p> <p>đ) Giảm phí nhận tái bảo hiểm;</p> <p>e) Hoàn hoa hồng nhượng tái bảo hiểm;</p> <p>g) Giảm hoa hồng nhượng tái bảo hiểm.</p> <p>4. Doanh thu cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm: Thu từ cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm theo quy định</p>	

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>5. Doanh thu hoạt động tài chính:</p> <p>a) Thu hoạt động đầu tư theo quy định tại Nghị định này;</p> <p>b) Thu lãi trên số tiền ký quỹ;</p> <p>c) Thu cho thuê tài sản;</p> <p>d) Thu khác theo quy định pháp luật.</p> <p>6. Thu nhập hoạt động khác:</p> <p>a) Thu từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định;</p> <p>b) Các khoản nợ khó đòi đã xóa nay thu hồi được;</p> <p>c) Thu khác theo quy định pháp luật.</p> <p>7. Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy định về thời điểm ghi nhận doanh thu bảo hiểm đối với từng loại hình bảo hiểm.</p>	<p>tại Mục 3 Chương IV Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>5. Doanh thu hoạt động tài chính:</p> <p>a) Thu hoạt động đầu tư theo quy định tại Nghị định này;</p> <p>b) Thu lãi trên số tiền ký quỹ;</p> <p>c) Thu cho thuê tài sản;</p> <p>d) Thu khác theo quy định pháp luật.</p> <p>6. Thu nhập hoạt động khác:</p> <p>a) Thu từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định;</p> <p>b) Các khoản nợ khó đòi đã xóa nay thu hồi được;</p> <p>c) Thu khác theo quy định pháp luật.</p> <p>7. Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy định về thời điểm ghi nhận doanh thu bảo hiểm đối với từng loại hình bảo hiểm.</p>	
<p>Điều 50. Chi phí của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam</p> <p>1. Chi phí của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam là số tiền phải chi, phải trích phát sinh trong kỳ bao gồm:</p> <p>a) Chi phí kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh tái bảo hiểm;</p> <p>b) Chi phí cho việc cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm;</p> <p>c) Chi phí hoạt động tài chính;</p>	<p>Điều 50. Chi phí của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam</p> <p>1. Chi phí của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam là số tiền phải chi, phải trích phát sinh trong kỳ bao gồm:</p> <p>a) Chi phí kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh tái bảo hiểm;</p> <p>b) Chi phí cho việc cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm;</p> <p>c) Chi phí hoạt động tài chính;</p>	<p>Để bảo đảm phù hợp với các điều đã sửa đổi, bổ sung ở dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p>

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>d) Chi phí hoạt động khác.</p> <p>2. Chi phí kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh tái bảo hiểm: Là số tiền phải chi, phải trích phát sinh trong kỳ sau khi đã trừ các khoản phải thu để giảm chi phát sinh trong kỳ.</p> <p>3. Số tiền phải chi, phải trích phát sinh trong kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều này bao gồm:</p> <p>a) Bồi thường bảo hiểm gốc đối với bảo hiểm phi nhân thọ; trả tiền bảo hiểm đối với bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe;</p> <p>b) Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm;</p> <p>c) Trích lập dự phòng nghiệp vụ;</p> <p>d) Chi hoa hồng đại lý bảo hiểm, chi thưởng, hỗ trợ đại lý bảo hiểm và quyền lợi khác trong hợp đồng đại lý bảo hiểm không vượt quá mức tối đa theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p> <p>Kể từ ngày Nghị định này ký, các khoản chi này phải từ hoạt động đại lý bảo hiểm và được nêu rõ trong hợp đồng đại lý bảo hiểm, có tiêu chí định lượng cụ thể gắn với kết quả, thành tích về khai thác, duy trì hợp đồng bảo hiểm nhân thọ và sức khỏe trên 01 năm, chất lượng hoạt động đại lý bảo hiểm. Các khoản chi thưởng, hỗ trợ đại lý bảo hiểm và quyền lợi khác phải được nêu rõ trong chính sách khen thưởng, hỗ trợ đại lý, quy chế tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài;</p> <p>đ) Chi cho doanh nghiệp môi giới bảo hiểm bao gồm: Chi hoa hồng môi giới bảo hiểm và các khoản chi khác theo quy định;</p>	<p>d) Chi phí hoạt động khác.</p> <p>2. Chi phí kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh tái bảo hiểm: Là số tiền phải chi, phải trích phát sinh trong kỳ sau khi đã trừ các khoản phải thu để giảm chi phát sinh trong kỳ.</p> <p>3. Số tiền phải chi, phải trích phát sinh trong kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều này bao gồm:</p> <p>a) Bồi thường bảo hiểm gốc đối với bảo hiểm phi nhân thọ; trả tiền bảo hiểm đối với bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe;</p> <p><u>a1) Hoa hồng nhân tái bảo hiểm;</u></p> <p>b) Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm;</p> <p>c) Trích lập dự phòng nghiệp vụ;</p> <p>d) Chi hoa hồng đại lý bảo hiểm, chi thưởng, hỗ trợ đại lý bảo hiểm và quyền lợi khác trong hợp đồng đại lý bảo hiểm không vượt quá mức tối đa theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p> <p>Kể từ ngày Nghị định này ký, các khoản chi này phải từ hoạt động đại lý bảo hiểm và được nêu rõ trong hợp đồng đại lý bảo hiểm, có tiêu chí định lượng cụ thể gắn với kết quả, thành tích về khai thác, duy trì hợp đồng bảo hiểm nhân thọ và sức khỏe trên 01 năm, chất lượng hoạt động đại lý bảo hiểm. Các khoản chi thưởng, hỗ trợ đại lý bảo hiểm và quyền lợi khác phải được nêu rõ trong chính sách khen thưởng, hỗ trợ đại lý, quy chế tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài;</p> <p>đ) Chi cho doanh nghiệp môi giới bảo hiểm bao gồm: Chi hoa hồng môi giới bảo hiểm và các khoản chi</p>	

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>e) Chi giám định tổn thất;</p> <p>g) Chi phí về dịch vụ đại lý bao gồm giám định tổn thất, xét giải quyết bồi thường, yêu cầu người thứ ba bồi hoàn;</p> <p>h) Chi xử lý hàng bồi thường 100%;</p> <p>i) Chi phí quản lý hợp đồng (leading fee) của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài đứng đầu trong trường hợp đồng bảo hiểm (nếu các bên có văn bản thỏa thuận về khoản chi này);</p> <p>k) Chi quản lý đại lý bảo hiểm bao gồm: Chi đào tạo ban đầu và thi cấp chứng chỉ đại lý, chi đào tạo nâng cao kiến thức cho đại lý, chi tuyển dụng đại lý bảo hiểm;</p> <p>l) Chi đề phòng, hạn chế rủi ro, tổn thất tối đa 2% số phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính. Chi phí này để thực hiện các biện pháp đề phòng, hạn chế tổn thất theo quy định tại khoản 3 Điều 122 Luật Kinh doanh bảo hiểm;</p> <p>m) Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm;</p> <p>n) Chi sử dụng dịch vụ phụ trợ bảo hiểm bao gồm: Chi tư vấn, chi đánh giá rủi ro bảo hiểm, chi tính toán bảo hiểm, chi giám định tổn thất bảo hiểm, chi hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo hiểm.</p> <p>o) Các khoản chi phí, trích lập khác theo quy định pháp luật.</p> <p>4. Các khoản giảm chi phát sinh trong kỳ theo quy định tại khoản 3 Điều này bao gồm:</p> <p>a) Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm;</p> <p>b) Thu đòi người thứ ba bồi hoàn; thu bồi hoàn từ</p>	<p>khác theo quy định;</p> <p>e) Chi giám định tổn thất;</p> <p>g) Chi phí về dịch vụ đại lý bao gồm giám định tổn thất, xét giải quyết bồi thường, yêu cầu người thứ ba bồi hoàn;</p> <p>h) Chi xử lý hàng bồi thường 100%;</p> <p>i) Chi phí quản lý hợp đồng (leading fee) của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài đứng đầu trong trường hợp đồng bảo hiểm (nếu các bên có văn bản thỏa thuận về khoản chi này);</p> <p>k) Chi quản lý đại lý bảo hiểm bao gồm: Chi đào tạo ban đầu và thi cấp chứng chỉ đại lý, chi đào tạo nâng cao kiến thức cho đại lý, chi tuyển dụng đại lý bảo hiểm;</p> <p>l) Chi đề phòng, hạn chế rủi ro, tổn thất tối đa 2% số phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính. Chi phí này để thực hiện các biện pháp đề phòng, hạn chế tổn thất theo quy định tại khoản 3 Điều 122 Luật Kinh doanh bảo hiểm;</p> <p>m) Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm;</p> <p>n) Chi sử dụng dịch vụ phụ trợ bảo hiểm bao gồm: Chi tư vấn, chi đánh giá rủi ro bảo hiểm, chi tính toán bảo hiểm, chi giám định tổn thất bảo hiểm, chi hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo hiểm.</p> <p>o) Các khoản chi phí, trích lập khác theo quy định pháp luật;:-</p> <p><u>p) Chi hỗ trợ, chi thù lao cho nhân viên hoặc thành viên của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, hợp tác xã được doanh nghiệp bảo</u></p>	

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>bên mua bảo hiểm đối với nghiệp vụ bảo hiểm bảo lãnh;</p> <p>c) Thu tài sản đã xử lý, bồi thường 100%;</p> <p>d) Trích lập dự phòng nghiệp vụ đối với phần nhượng tái bảo hiểm phi nhân thọ.</p> <p>5. Chi phí cho việc cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm là số tiền phải chi, phải trích phát sinh trong kỳ để cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm.</p> <p>6. Chi phí hoạt động tài chính:</p> <p>a) Chi phí hoạt động đầu tư theo quy định tại Nghị định này;</p> <p>b) Thu nhập đầu tư phải trả cho bên mua bảo hiểm theo cam kết tại hợp đồng bảo hiểm nhân thọ;</p> <p>c) Chi phí cho thuê tài sản;</p> <p>d) Chi thủ tục phí ngân hàng, trả lãi tiền vay;</p> <p>đ) Chi phí, trích lập khác theo quy định pháp luật.</p> <p>7. Chi phí hoạt động khác:</p> <p>a) Chi nhượng bán, thanh lý tài sản cố định;</p> <p>b) Chi phí cho việc thu hồi khoản nợ phải thu khó đòi đã xóa nay thu hồi được;</p> <p>c) Chi phí, trích lập khác theo quy định pháp luật.</p> <p>8. Các khoản chi phải đúng theo quy định của pháp luật, bảo đảm có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hoặc bằng chứng chứng minh.</p>	<p><u>hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài ủy quyền để tư vấn, thu xếp việc giao kết hợp đồng bảo hiểm vi mô cho chính các thành viên của tổ chức đó và các tổ chức đó để triển khai bảo hiểm vi mô theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</u></p> <p>4. Các khoản giảm chi phát sinh trong kỳ theo quy định tại khoản 3 Điều này bao gồm:</p> <p>a) Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm;</p> <p>b) Thu đòi người thứ ba bồi hoàn; thu bồi hoàn từ bên mua bảo hiểm đối với nghiệp vụ bảo hiểm bảo lãnh;</p> <p>c) Thu tài sản đã xử lý, bồi thường 100%;</p> <p>d) Trích lập dự phòng nghiệp vụ đối với phần nhượng tái bảo hiểm phi nhân thọ.</p> <p>5. Chi phí cho việc cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm là số tiền phải chi, phải trích phát sinh trong kỳ để cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm.</p> <p>6. Chi phí hoạt động tài chính:</p> <p>a) Chi phí hoạt động đầu tư theo quy định tại Nghị định này;</p> <p>b) Thu nhập đầu tư phải trả cho bên mua bảo hiểm theo cam kết tại hợp đồng bảo hiểm nhân thọ;</p> <p>c) Chi phí cho thuê tài sản;</p> <p>d) Chi thủ tục phí ngân hàng, trả lãi tiền vay;</p> <p>đ) Chi phí, trích lập khác theo quy định pháp luật.</p> <p>7. Chi phí hoạt động khác:</p> <p>a) Chi nhượng bán, thanh lý tài sản cố định;</p>	

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
	<p>b) Chi phí cho việc thu hồi khoản nợ phải thu khó đòi đã xóa nay thu hồi được;</p> <p>c) Chi phí, trích lập khác theo quy định pháp luật.</p> <p>8. Các khoản chi phải đúng theo quy định của pháp luật, bảo đảm có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hoặc bằng chứng chứng minh.</p>	
<p>Điều 51. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký nguyên tắc tách nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn phí bảo hiểm</p> <p>1. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải đăng ký với Bộ Tài chính các nguyên tắc tách, phân bổ tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí chung liên quan đến cả quỹ chủ sở hữu và quỹ chủ hợp đồng trước khi áp dụng.</p> <p>2. Hồ sơ đăng ký và thay đổi bao gồm các tài liệu sau:</p> <p>a) Văn bản đề nghị đăng ký hoặc thay đổi theo mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>b) Tài liệu giải trình về các nguyên tắc tách, phân bổ dự kiến áp dụng có xác nhận của chuyên gia tính toán của doanh nghiệp, chi nhánh. Trường hợp thay đổi thì hồ sơ còn bao gồm tài liệu giải trình sự thay đổi.</p> <p>3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có công văn ghi nhận. Trường hợp từ chối ghi nhận, Bộ Tài chính có công văn giải thích rõ lý do.</p> <p>4. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo</p>	<p>Điều 51. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký nguyên tắc tách nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn phí bảo hiểm</p> <p>1. Doanh nghiệp bảo hiểm <u>nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam</u> phải đăng ký với Bộ Tài chính các nguyên tắc tách, phân bổ tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí chung liên quan đến cả quỹ chủ sở hữu và quỹ chủ hợp đồng trước khi áp dụng. <u>Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài phải thông báo với Bộ Tài chính các nguyên tắc tách, phân bổ tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí chung liên quan đến nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn phí bảo hiểm trước khi thực hiện.</u></p> <p>2. Hồ sơ đăng ký, <u>thông báo và hoặc</u> thay đổi bao gồm các tài liệu sau:</p> <p>a) Văn bản đề nghị đăng ký, <u>thông báo</u> hoặc thay đổi theo mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>b) Tài liệu giải trình về các nguyên tắc tách, phân bổ dự kiến áp dụng có xác nhận của chuyên gia tính toán của doanh nghiệp, chi nhánh. Trường hợp thay đổi thì hồ sơ còn bao gồm tài liệu giải trình sự thay đổi.</p> <p>3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ</p>	<p>Để bảo đảm phù hợp với các điều đã sửa đổi, bổ sung ở dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p>

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam có nguyên tắc tách nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn phí bảo hiểm không phù hợp với quy định của Nghị định này thì thực hiện đăng ký lại với Bộ Tài chính trong vòng 06 tháng kể từ ngày ký Nghị định này, áp dụng cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.</p>	<p><i>đăng ký hoặc thay đổi đăng ký</i> hợp lệ, Bộ Tài chính có công văn <i>chấp thuận ghi nhận</i>. Trường hợp từ chối <i>chấp thuận ghi nhận</i>, Bộ Tài chính có công văn giải thích rõ lý do.</p> <p>4. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam có nguyên tắc tách nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn phí bảo hiểm không phù hợp với quy định của Nghị định này thì thực hiện đăng ký lại với Bộ Tài chính trong vòng 06 tháng kể từ ngày ký Nghị định này, áp dụng cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.</p>	
<p>Điều 54. Quỹ dự trữ bắt buộc</p> <p>Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải trích 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm để lập quỹ bắt buộc. Mức tối đa của quỹ dự trữ bắt buộc bằng 10% mức vốn điều lệ của doanh nghiệp, vốn được cấp của chi nhánh.</p>	<p>Điều 54. Quỹ dự trữ bắt buộc</p> <p>Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải trích 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm để lập quỹ bắt buộc. Mức tối đa của quỹ dự trữ bắt buộc bằng 10% mức vốn điều lệ của doanh nghiệp, vốn được cấp của chi nhánh.</p>	<p>Việc sửa đổi nhằm bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 98 Luật Kinh doanh bảo hiểm. Bên cạnh đó, quy định pháp luật hiện hành về kinh doanh bảo hiểm đã có các quy định về vốn tối thiểu, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, do đó đã có cơ chế kiểm soát rủi ro đối với DNMGBH.</p>
Mục 8. VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM		
<p>Điều 56. Hồ sơ, trình tự và thủ tục cấp giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam</p> <p>1. Doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài, tổ chức tài chính, bảo hiểm nước ngoài, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài (sau đây gọi là doanh nghiệp nước ngoài) nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Bộ Tài chính 01 bộ hồ sơ gồm các tài liệu sau:</p> <p>a) Văn bản đề nghị cấp Giấy phép đặt văn phòng đại</p>	<p>Điều 56. Hồ sơ, trình tự và thủ tục cấp giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam</p> <p>1. Doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài, tổ chức tài chính, bảo hiểm nước ngoài, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài (sau đây gọi là doanh nghiệp nước ngoài) nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Bộ Tài chính 01 bộ hồ sơ gồm các tài liệu sau:</p> <p>a) Văn bản đề nghị cấp Giấy phép đặt văn phòng đại</p>	<p>Đề đảm bảo thống nhất với Luật Căn cước năm 2023</p>

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>diện nước ngoài tại Việt Nam theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>b) Bản sao Giấy phép thành lập, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác doanh nghiệp nước ngoài;</p> <p>c) Bản sao báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập doanh nghiệp nước ngoài trong 3 năm tài chính liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam;</p> <p>d) Sơ yếu lý lịch, bản sao thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người dự kiến giữ chức danh Trưởng văn phòng đại diện;</p> <p>đ) Bản giới thiệu về doanh nghiệp nước ngoài;</p> <p>e) Văn bản của cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm nơi doanh nghiệp nước ngoài đặt trụ sở chính cho phép doanh nghiệp nước ngoài đặt văn phòng đại diện tại Việt Nam. Trường hợp quy định của nước nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính không yêu cầu phải có văn bản chấp thuận thì phải có văn bản xác nhận của cấp có thẩm quyền theo quy định.</p> <p>2. Tiêu chuẩn hồ sơ, tài liệu đề nghị cấp giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam phải đáp ứng quy định tại Điều 15 Nghị định này.</p> <p>3. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.</p> <p>4. Thời hạn cấp giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại Điều 70 của Luật Kinh doanh bảo hiểm. Giấy phép</p>	<p>diện nước ngoài tại Việt Nam theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>b) Bản sao Giấy phép thành lập, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác doanh nghiệp nước ngoài;</p> <p>c) Bản sao báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập doanh nghiệp nước ngoài trong 3 năm tài chính liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam;</p> <p>d) Sơ yếu lý lịch, bản sao thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân <i>thẻ căn cước</i> hoặc hộ chiếu của người dự kiến giữ chức danh Trưởng văn phòng đại diện;</p> <p>đ) Bản giới thiệu về doanh nghiệp nước ngoài;</p> <p>e) Văn bản của cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm nơi doanh nghiệp nước ngoài đặt trụ sở chính cho phép doanh nghiệp nước ngoài đặt văn phòng đại diện tại Việt Nam. Trường hợp quy định của nước nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính không yêu cầu phải có văn bản chấp thuận thì phải có văn bản xác nhận của cấp có thẩm quyền theo quy định.</p> <p>2. Tiêu chuẩn hồ sơ, tài liệu đề nghị cấp giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam phải đáp ứng quy định tại Điều 15 Nghị định này.</p> <p>3. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.</p> <p>4. Thời hạn cấp giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại Điều 70 của Luật Kinh doanh bảo hiểm. Giấy phép</p>	

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam thực hiện theo mẫu tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Nghị định này.	đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam thực hiện theo mẫu tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Nghị định này.	
<p>Điều 59. Gia hạn giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam</p> <p>1. Doanh nghiệp nước ngoài muốn gia hạn hoạt động của văn phòng đại diện tại Việt Nam phải đáp ứng các quy định sau đây:</p> <p>a) Văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam không bị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm trong thời hạn 12 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị gia hạn hoạt động;</p> <p>b) Doanh nghiệp nước ngoài đang hoạt động hợp pháp tại thời điểm đề nghị gia hạn hoạt động của văn phòng đại diện;</p> <p>c) Doanh nghiệp nước ngoài có quan hệ hợp tác với cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh bảo hiểm tại Việt Nam.</p> <p>2. Hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam gồm các tài liệu sau:</p> <p>a) Văn bản đề nghị gia hạn hoạt động của văn phòng đại diện theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>b) Bản sao giấy phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác;</p> <p>c) Bản sao báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập của doanh nghiệp nước ngoài trong 03 năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị</p>	<p>Điều 59. Gia hạn giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam</p> <p>1. Doanh nghiệp nước ngoài muốn gia hạn hoạt động của văn phòng đại diện tại Việt Nam phải đáp ứng các quy định sau đây:</p> <p>a) Văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam không bị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm trong thời hạn 12 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị gia hạn hoạt động;</p> <p>b) Doanh nghiệp nước ngoài đang hoạt động hợp pháp tại thời điểm đề nghị gia hạn hoạt động của văn phòng đại diện;</p> <p>c) Doanh nghiệp nước ngoài có quan hệ hợp tác với cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh bảo hiểm tại Việt Nam.</p> <p>2. Hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam gồm các tài liệu sau:</p> <p>a) Văn bản đề nghị gia hạn hoạt động của văn phòng đại diện theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>b) Bản sao giấy phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác;</p> <p>c) Bản sao báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập của doanh nghiệp nước ngoài trong 03 năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị</p>	<p>Đề đảm bảo thống nhất với Luật Căn cước năm 2023</p>

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>gia hạn;</p> <p>d) Sơ yếu lý lịch, bản sao thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người dự kiến giữ chức danh Trưởng văn phòng đại diện (nếu có thay đổi);</p> <p>đ) Văn bản báo cáo về hoạt động hợp tác với cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm tại Việt Nam của văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam hoặc doanh nghiệp nước ngoài.</p> <p>3. Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép đặt văn phòng đại diện gồm 01 bản bằng tiếng Việt và 01 bản bằng tiếng Anh đáp ứng quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 15 Nghị định này.</p> <p>4. Tối thiểu 60 ngày trước ngày hết hạn của Giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp nước ngoài muốn gia hạn hoạt động của văn phòng đại diện tại Việt Nam phải nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) 01 bộ hồ sơ đến Bộ Tài chính.</p> <p>5. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh theo mẫu quy định tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính có văn bản giải thích rõ lý do.</p>	<p>gia hạn;</p> <p>d) Sơ yếu lý lịch, bản sao thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân <u>thẻ căn cước</u> hoặc hộ chiếu của người dự kiến giữ chức danh Trưởng văn phòng đại diện (nếu có thay đổi);</p> <p>đ) Văn bản báo cáo về hoạt động hợp tác với cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm tại Việt Nam của văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam hoặc doanh nghiệp nước ngoài.</p> <p>3. Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép đặt văn phòng đại diện gồm 01 bản bằng tiếng Việt và 01 bản bằng tiếng Anh đáp ứng quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 15 Nghị định này.</p> <p>4. Tối thiểu 60 ngày trước ngày hết hạn của Giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp nước ngoài muốn gia hạn hoạt động của văn phòng đại diện tại Việt Nam phải nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) 01 bộ hồ sơ đến Bộ Tài chính.</p> <p>5. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh theo mẫu quy định tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính có văn bản giải thích rõ lý do.</p>	
<p>Chương III</p> <p>ĐẠI LÝ BẢO HIỂM, DOANH NGHIỆP MÔI GIỚI BẢO HIỂM, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CUNG CẤP DỊCH VỤ PHỤ TRỢ BẢO HIỂM</p> <p>Mục 2. DOANH NGHIỆP MÔI GIỚI BẢO HIỂM</p>		
Điều 64. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập	Điều 64. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập	Để đảm bảo thống nhất với Luật Căn cước

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>và hoạt động của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm</p> <p>1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.</p> <p>2. Dự thảo điều lệ công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Phương án hoạt động 05 năm đầu phù hợp với lĩnh vực kinh doanh đề nghị cấp Giấy phép, trong đó nêu rõ các nội dung hoạt động dự kiến triển khai và hiệu quả kinh doanh của việc thành lập doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.</p> <p>4. Bản sao thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu; Phiếu lý lịch tư pháp theo mẫu hoặc giấy tờ tương đương của người nước ngoài do pháp luật nước ngoài quy định; sơ yếu lý lịch, bản sao văn bằng, chứng chỉ và tài liệu khác chứng minh đáp ứng tiêu chuẩn của người dự kiến được bổ nhiệm là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật.</p> <p>5. Danh sách cổ đông, thành viên góp từ 10% vốn điều lệ trở lên là tổ chức và các giấy tờ kèm theo sau đây:</p> <p>a) Bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác;</p> <p>b) Bản sao Điều lệ công ty;</p> <p>c) Văn bản của cấp có thẩm quyền của tổ chức góp vốn quyết định việc tham gia góp vốn thành lập doanh nghiệp môi giới bảo hiểm;</p>	<p>và hoạt động của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm</p> <p>1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.</p> <p>2. Dự thảo điều lệ công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Phương án hoạt động 05 năm đầu phù hợp với lĩnh vực kinh doanh đề nghị cấp Giấy phép, trong đó nêu rõ các nội dung hoạt động dự kiến triển khai và hiệu quả kinh doanh của việc thành lập doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.</p> <p>4. Bản sao thẻ căn cước công dân hoặc <u>thẻ căn cước</u> giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu; Phiếu lý lịch tư pháp theo mẫu hoặc giấy tờ tương đương của người nước ngoài do pháp luật nước ngoài quy định; sơ yếu lý lịch, bản sao văn bằng, chứng chỉ và tài liệu khác chứng minh đáp ứng tiêu chuẩn của người dự kiến được bổ nhiệm là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật.</p> <p>5. Danh sách cổ đông, thành viên góp từ 10% vốn điều lệ trở lên là tổ chức và các giấy tờ kèm theo sau đây:</p> <p>a) Bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác;</p> <p>b) Bản sao Điều lệ công ty;</p> <p>c) Văn bản của cấp có thẩm quyền của tổ chức góp vốn quyết định việc tham gia góp vốn thành lập doanh nghiệp môi giới bảo hiểm;</p>	<p>năm 2023 và thực hiện Nghị quyết số 198/2025/QH15 về cắt giảm và đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh cho doanh nghiệp.</p>

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>d) Văn bản uỷ quyền, bản sao thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người đại diện theo uỷ quyền của tổ chức góp vốn;</p> <p>đ) Bản sao báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho 03 năm tài chính liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp phép đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 63 Nghị định này;</p> <p>e) Tài liệu chứng minh tổ chức tham gia góp vốn đáp ứng quy định tại điểm a khoản 5 Điều 133 Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>6. Hồ sơ của cổ đông, thành viên góp vốn dưới 10% vốn điều lệ là tổ chức:</p> <p>a) Tài liệu quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 5 Điều này;</p> <p>b) Bản sao báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 63 Nghị định này.</p> <p>7. Trường hợp tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài có công ty con thực hiện hoạt động môi giới bảo hiểm thì phải nộp bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác của công ty con; bản sao báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép của công ty con đó đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 63 Nghị định này.</p> <p>8. Tài liệu đối với cổ đông, thành viên góp vốn là cá nhân:</p> <p>a) Bản sao thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu; Phiếu lý lịch tư pháp</p>	<p>d) Văn bản uỷ quyền, bản sao thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người đại diện theo uỷ quyền của tổ chức góp vốn;</p> <p>đ) Bản sao báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho 03 năm tài chính liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp phép đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 63 Nghị định này;</p> <p>e) Tài liệu chứng minh tổ chức tham gia góp vốn đáp ứng quy định tại điểm a khoản 5 Điều 133 Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>6. Hồ sơ của cổ đông, thành viên góp vốn dưới 10% vốn điều lệ là tổ chức:</p> <p>a) Tài liệu quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 5 Điều này;</p> <p>b) Bản sao báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 63 Nghị định này.</p> <p>7. Trường hợp tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài có công ty con thực hiện hoạt động môi giới bảo hiểm thì phải nộp bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác của công ty con; bản sao báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép của công ty con đó đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 63 Nghị định này.</p> <p>8. Tài liệu đối với cổ đông, thành viên góp vốn là cá nhân:</p> <p>a) Bản sao thẻ căn cước công dân hoặc <i>thẻ căn cước</i></p>	

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>theo mẫu hoặc giấy tờ tương đương của người nước ngoài do pháp luật nước ngoài quy định;</p> <p>b) Xác nhận của ngân hàng về số dư tiền đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi gửi tại ngân hàng.</p> <p>9. Xác nhận của ngân hàng được phép hoạt động tại Việt Nam về mức vốn điều lệ gửi tại tài khoản phong toả mở tại ngân hàng không thấp hơn mức vốn điều lệ tối thiểu theo quy định tại Điều 81 Nghị định này. Trong đó, nêu rõ số tiền góp vốn của từng thành viên, số tiền phong tỏa, mục đích phong tỏa, thời hạn phong tỏa và điều kiện để mở phong tỏa.</p> <p>10. Biên bản họp của tổ chức, cá nhân góp vốn về việc:</p> <p>a) Nhất trí góp vốn thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần môi giới bảo hiểm kèm theo danh sách các cổ đông, thành viên và cổ đông, thành viên sáng lập;</p> <p>b) Thông qua dự thảo Điều lệ Công ty.</p> <p>11. Văn bản về việc ủy quyền cho một cá nhân, tổ chức thay mặt cho các cổ đông, thành viên góp vốn để thực hiện các thủ tục đề nghị cấp giấy phép.</p> <p>12. Trường hợp tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài đang trực tiếp thực hiện môi giới bảo hiểm thì phải có văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài đặt trụ sở chính xác nhận:</p> <p>a) Tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài được phép thành lập doanh nghiệp môi giới bảo hiểm tại Việt Nam. Trường hợp quy định của nước nơi tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài đặt trụ sở</p>	<p>giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu; Phiếu lý lịch tư pháp theo mẫu hoặc giấy tờ tương đương của người nước ngoài do pháp luật nước ngoài quy định;</p> <p>b) Xác nhận của ngân hàng về số dư tiền đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi gửi tại ngân hàng.</p> <p>9. Xác nhận của ngân hàng được phép hoạt động tại Việt Nam về mức vốn điều lệ gửi tại tài khoản phong toả mở tại ngân hàng không thấp hơn mức vốn điều lệ tối thiểu theo quy định tại Điều 81 Nghị định này. Trong đó, nêu rõ số tiền góp vốn của từng thành viên, số tiền phong tỏa, mục đích phong tỏa, thời hạn phong tỏa và điều kiện để mở phong tỏa.</p> <p>10. Biên bản họp của tổ chức, cá nhân góp vốn về việc:</p> <p>a) Nhất trí góp vốn thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần môi giới bảo hiểm kèm theo danh sách các cổ đông, thành viên và cổ đông, thành viên sáng lập;</p> <p>b) Thông qua dự thảo Điều lệ Công ty.</p> <p>11. Văn bản về việc ủy quyền cho một cá nhân, tổ chức thay mặt cho các cổ đông, thành viên góp vốn để thực hiện các thủ tục đề nghị cấp giấy phép.</p> <p>12. Trường hợp tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài đang trực tiếp thực hiện môi giới bảo hiểm thì phải có văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài đặt trụ sở chính xác nhận:</p> <p>a) Tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài được phép thành lập doanh nghiệp môi giới bảo hiểm tại Việt Nam. Trường hợp quy định của nước nơi tổ</p>	

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>chính không yêu cầu phải có văn bản chấp thuận thì phải có văn bản xác nhận của cấp có thẩm quyền theo quy định;</p> <p>b) Tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài đang hoạt động trong lĩnh vực môi giới bảo hiểm;</p> <p>c) Không vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật về môi giới bảo hiểm của nước nơi tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài đặt trụ sở chính trong 03 năm liên tục gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thành lập và hoạt động.</p> <p>13. Trường hợp tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài có công ty con thực hiện hoạt động môi giới bảo hiểm thì phải có văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức đặt trụ sở chính xác nhận:</p> <p>a) Tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài được phép thành lập doanh nghiệp môi giới bảo hiểm tại Việt Nam. Trường hợp quy định của nước nơi tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài đặt trụ sở chính không yêu cầu phải có văn bản chấp thuận thì phải có văn bản xác nhận của cấp có thẩm quyền theo quy định;</p> <p>b) Tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài đang trong tình trạng tài chính lành mạnh và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu quản lý tại nước nơi tổ chức đặt trụ sở chính;</p> <p>c) Không vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật về môi giới bảo hiểm của nước tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài đặt trụ sở chính trong 03 năm liên kể trước năm nộp hồ sơ xin cấp</p>	<p>chức thành lập theo pháp luật nước ngoài đặt trụ sở chính không yêu cầu phải có văn bản chấp thuận thì phải có văn bản xác nhận của cấp có thẩm quyền theo quy định;</p> <p>b) Tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài đang hoạt động trong lĩnh vực môi giới bảo hiểm;</p> <p>c) Không vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật về môi giới bảo hiểm của nước nơi tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài đặt trụ sở chính trong 03 năm liên tục gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thành lập và hoạt động.</p> <p>13. Trường hợp tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài có công ty con thực hiện hoạt động môi giới bảo hiểm thì phải có văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức đặt trụ sở chính xác nhận:</p> <p>a) Tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài được phép thành lập doanh nghiệp môi giới bảo hiểm tại Việt Nam. Trường hợp quy định của nước nơi tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài đặt trụ sở chính không yêu cầu phải có văn bản chấp thuận thì phải có văn bản xác nhận của cấp có thẩm quyền theo quy định;</p> <p>b) Tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài đang trong tình trạng tài chính lành mạnh và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu quản lý tại nước nơi tổ chức đặt trụ sở chính;</p> <p>c) Không vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật về môi giới bảo hiểm của nước tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài đặt trụ sở chính trong 03 năm liên kể trước năm nộp hồ sơ xin cấp</p>	

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>Giấy phép.</p> <p>14. Văn bản cam kết của tổ chức, cá nhân góp vốn đối với việc đáp ứng điều kiện để được cấp Giấy phép theo quy định tại Điều 63 Nghị định này và Điều 133 Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>15. Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc tổ chức Việt Nam góp vốn đáp ứng các điều kiện an toàn tài chính và được phép góp vốn thành lập doanh nghiệp môi giới bảo hiểm theo quy định pháp luật. Trường hợp pháp luật liên quan không yêu cầu phải có văn bản chấp thuận thì tổ chức góp vốn phải có văn bản chứng minh việc này.</p> <p>16. Văn bản chứng minh tổ chức tham gia góp vốn hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn pháp định hoặc vốn điều lệ tối thiểu hoặc vốn tối thiểu đáp ứng khoản 2 Điều 63 Nghị định này.</p>	<p>Giấy phép.</p> <p>14. Văn bản cam kết của tổ chức, cá nhân góp vốn đối với việc đáp ứng điều kiện để được cấp Giấy phép theo quy định tại Điều 63 Nghị định này và Điều 133 Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>15. Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc tổ chức Việt Nam góp vốn đáp ứng các điều kiện an toàn tài chính và được phép góp vốn thành lập doanh nghiệp môi giới bảo hiểm theo quy định pháp luật. Trường hợp pháp luật liên quan không yêu cầu phải có văn bản chấp thuận thì tổ chức góp vốn phải có văn bản chứng minh việc này.</p> <p>16. Văn bản chứng minh tổ chức tham gia góp vốn hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn pháp định hoặc vốn điều lệ tối thiểu hoặc vốn tối thiểu đáp ứng khoản 2 Điều 63 Nghị định này.</p>	
<p>Điều 70. Chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp dẫn đến cổ đông, thành viên góp vốn sở hữu 10% vốn điều lệ trở lên hoặc giảm xuống dưới 10% vốn điều lệ</p> <p>1. Việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp dẫn đến cổ đông, thành viên góp vốn sở hữu 10% vốn điều lệ trở lên hoặc giảm xuống dưới 10% vốn điều lệ phải đáp ứng các điều kiện sau:</p> <p>a) Không gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bên mua bảo hiểm, người lao động và Nhà nước;</p> <p>b) Tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan;</p> <p>c) Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp phải đáp ứng các điều kiện quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 133 Luật Kinh doanh bảo</p>	<p>Điều 70. Chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp dẫn đến cổ đông, thành viên góp vốn sở hữu 10% vốn điều lệ trở lên hoặc giảm xuống dưới 10% vốn điều lệ</p> <p>1. Việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp dẫn đến cổ đông, thành viên góp vốn sở hữu 10% vốn điều lệ trở lên hoặc giảm xuống dưới 10% vốn điều lệ phải đáp ứng các điều kiện sau:</p> <p>a) Không gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bên mua bảo hiểm, người lao động và Nhà nước;</p> <p>b) Tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan;</p> <p>c) Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp phải đáp ứng các điều kiện quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 133 Luật Kinh doanh bảo</p>	<p>Việc bổ sung thêm điểm d vào khoản 1 Điều 70 để bổ sung các quy định về việc đáp ứng các điều kiện đối với doanh nghiệp môi giới bảo hiểm sau khi thực hiện chuyển nhượng cũng cần đáp ứng (quy định tại khoản 3 Điều 133 Luật Kinh doanh bảo hiểm).</p>

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>hiêm và Điều 63 Nghị định này.</p> <p>2. Hồ sơ đề nghị, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp dẫn đến cổ đông, thành viên góp vốn sở hữu 10% vốn điều lệ trở lên hoặc giảm xuống dưới 10% vốn điều lệ; bao gồm:</p> <p>a) Văn bản đề nghị chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>b) Văn bản của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ công ty về việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp;</p> <p>c) Danh sách cổ đông (hoặc thành viên) góp vốn, vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm hình thành sau khi chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp;</p> <p>d) Bản sao từ sổ gốc hoặc được chứng thực của hợp đồng nguyên tắc về việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp (trừ trường hợp doanh nghiệp môi giới bảo hiểm là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán);</p> <p>đ) Các tài liệu chứng minh tổ chức, cá nhân góp vốn đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có văn bản chấp thuận nguyên tắc. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính có văn bản giải thích rõ lý do.</p> <p>4. Trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp theo phương án đã được chấp thuận, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải báo cáo Bộ Tài chính kết quả thực hiện. Hồ sơ báo cáo hoàn thành việc chuyển</p>	<p>hiêm và Điều 63 Nghị định này.</p> <p><u><i>d) Sau khi thực hiện việc chuyển nhượng, cổ phần, phần vốn góp, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải đáp ứng quy định tại Điều 133 Luật Kinh doanh bảo hiểm.</i></u></p> <p>2. Hồ sơ đề nghị, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp dẫn đến cổ đông, thành viên góp vốn sở hữu 10% vốn điều lệ trở lên hoặc giảm xuống dưới 10% vốn điều lệ; bao gồm:</p> <p>a) Văn bản đề nghị chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>b) Văn bản của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ công ty về việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp;</p> <p>c) Danh sách cổ đông (hoặc thành viên) góp vốn, vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm hình thành sau khi chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp;</p> <p>d) Bản sao từ sổ gốc hoặc được chứng thực của hợp đồng nguyên tắc về việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp (trừ trường hợp doanh nghiệp môi giới bảo hiểm là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán);</p> <p>đ) Các tài liệu chứng minh tổ chức, cá nhân góp vốn đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có văn bản chấp thuận nguyên tắc. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính có văn bản giải thích rõ lý do.</p>	

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>nhượng cổ phần, phần vốn góp bao gồm các tài liệu sau:</p> <p>a) Báo cáo hoàn thành việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp;</p> <p>b) Báo cáo hoàn thành nghĩa vụ thuế phát sinh từ việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp.</p> <p>5. Trường hợp không thực hiện được phương án đã được chấp thuận, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải báo cáo Bộ Tài chính phương án xử lý.</p> <p>6. Trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của doanh nghiệp môi giới về kết quả thực hiện việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh cho doanh nghiệp môi giới bảo hiểm theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính có văn bản giải thích lý do.</p>	<p>4. Trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp theo phương án đã được chấp thuận, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải báo cáo Bộ Tài chính kết quả thực hiện. Hồ sơ báo cáo hoàn thành việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp bao gồm các tài liệu sau:</p> <p>a) Báo cáo hoàn thành việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp;</p> <p>b) Báo cáo hoàn thành nghĩa vụ thuế phát sinh từ việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp.</p> <p>5. Trường hợp không thực hiện được phương án đã được chấp thuận, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải báo cáo Bộ Tài chính phương án xử lý.</p> <p>6. Trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của doanh nghiệp môi giới về kết quả thực hiện việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh cho doanh nghiệp môi giới bảo hiểm theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính có văn bản giải thích lý do.</p>	
<p>Điều 73. Bổ nhiệm, thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị (Chủ tịch Hội đồng thành viên), Tổng giám đốc (Giám đốc)</p> <p>1. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản khi bổ nhiệm, thay đổi các chức danh sau:</p> <p>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên;</p> <p>b) Tổng Giám đốc (Giám đốc).</p>	<p>Điều 73. Bổ nhiệm, thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị (Chủ tịch Hội đồng thành viên), Tổng giám đốc (Giám đốc)</p> <p>1. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản khi bổ nhiệm, thay đổi các chức danh sau:</p> <p>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên;</p> <p>b) Tổng Giám đốc (Giám đốc).</p>	<p>Để đảm bảo thống nhất với Luật Căn cước năm 2023.</p>

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>2. Hồ sơ bổ nhiệm, thay đổi các chức danh quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm các tài liệu sau:</p> <p>a) Văn bản đề nghị bổ nhiệm, thay đổi theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>b) Văn bản của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ công ty;</p> <p>c) Phiếu lý lịch tư pháp theo mẫu hoặc giấy tờ tương đương của người nước ngoài do pháp luật nước ngoài quy định đáp ứng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 15 Nghị định này; Bản sao thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; sơ yếu lý lịch đáp ứng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 15 Nghị định này; bản sao văn bằng, chứng chỉ, tài liệu chứng minh trình độ, kinh nghiệm và năng lực chuyên môn của người dự kiến được bổ nhiệm hoặc thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị (Chủ tịch Hội đồng thành viên), Tổng giám đốc (Giám đốc);</p> <p>d) Hợp đồng lao động dự kiến giữa doanh nghiệp môi giới bảo hiểm với người dự kiến được bổ nhiệm là Tổng giám đốc (Giám đốc);</p> <p>đ) Văn bản cam kết của người dự kiến được bổ nhiệm hoặc thay đổi sẽ làm việc cho doanh nghiệp môi giới bảo hiểm sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận;</p> <p>e) Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm, thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị (Chủ tịch Hội đồng thành viên), Tổng giám đốc (Giám đốc) phải đáp ứng quy định tại các điểm a, b, d, h khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 15 Nghị định này.</p>	<p>2. Hồ sơ bổ nhiệm, thay đổi các chức danh quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm các tài liệu sau:</p> <p>a) Văn bản đề nghị bổ nhiệm, thay đổi theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này;</p> <p>b) Văn bản của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ công ty;</p> <p>c) Phiếu lý lịch tư pháp theo mẫu hoặc giấy tờ tương đương của người nước ngoài do pháp luật nước ngoài quy định đáp ứng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 15 Nghị định này; Bản sao thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; sơ yếu lý lịch đáp ứng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 15 Nghị định này; bản sao văn bằng, chứng chỉ, tài liệu chứng minh trình độ, kinh nghiệm và năng lực chuyên môn của người dự kiến được bổ nhiệm hoặc thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị (Chủ tịch Hội đồng thành viên), Tổng giám đốc (Giám đốc);</p> <p>d) Hợp đồng lao động dự kiến giữa doanh nghiệp môi giới bảo hiểm với người dự kiến được bổ nhiệm là Tổng giám đốc (Giám đốc);</p> <p>đ) Văn bản cam kết của người dự kiến được bổ nhiệm hoặc thay đổi sẽ làm việc cho doanh nghiệp môi giới bảo hiểm sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận;</p> <p>e) Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm, thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị (Chủ tịch Hội đồng thành viên), Tổng giám đốc (Giám đốc) phải đáp ứng quy định tại các điểm a, b, d, h khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 15 Nghị định này;</p>	

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có văn bản chấp thuận. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính có văn bản giải thích rõ lý do.</p>	<p><i>g) Văn bản cam kết hoặc các tài liệu chứng minh việc đáp ứng các điều kiện chung quy định tại Điều 76 Nghị định này.</i></p> <p>3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có văn bản chấp thuận. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính có văn bản giải thích rõ lý do.</p>	
<p>Điều 78. Tiêu chuẩn của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật</p> <p>1. Các tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 76 Nghị định này.</p> <p>2. Có bằng đại học trở lên.</p> <p>3. Có chứng chỉ bảo hiểm hoặc chứng chỉ môi giới bảo hiểm do các cơ sở đào tạo được thành lập hợp pháp trong và ngoài nước cấp. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp đã có bằng đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm.</p> <p>4. Có tối thiểu 05 năm trực tiếp làm việc trong một hoặc các lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng, trong đó có tối thiểu 03 năm giữ vị trí là người quản lý, người kiểm soát của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm hoặc người quản lý, người kiểm soát của chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam hoặc người quản lý của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.</p> <p>5. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>6. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải đáp ứng các điều kiện về việc đảm nhiệm chức vụ sau đây:</p> <p>a) Không được đồng thời làm việc cho doanh nghiệp môi giới bảo hiểm khác tại Việt Nam; không được là</p>	<p>Điều 78. Tiêu chuẩn của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật</p> <p>1. Các tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 76 Nghị định này.</p> <p>2. Có bằng đại học trở lên.</p> <p>3. Có chứng chỉ bảo hiểm hoặc chứng chỉ môi giới bảo hiểm do các cơ sở đào tạo được thành lập hợp pháp trong và ngoài nước cấp. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp đã có bằng đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm.</p> <p>4. Có tối thiểu 05 năm trực tiếp làm việc trong một hoặc các lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng, trong đó có tối thiểu 03 năm giữ vị trí là người quản lý, người kiểm soát của <u>tổ chức hoạt động trực tiếp trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng</u> doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm hoặc người quản lý, người kiểm soát của chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam hoặc người quản lý của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.</p> <p>5. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>6. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải đáp ứng các điều kiện về việc đảm nhiệm chức vụ sau đây:</p> <p>a) Không được đồng thời làm việc cho doanh nghiệp</p>	<p>Thực hiện Nghị quyết số 198/2025/QH15 về cắt giảm và đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh cho doanh nghiệp và bảo đảm phù hợp với khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p>

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm khác tại Việt Nam;</p> <p>b) Chỉ được kiêm nhiệm chức danh người đứng đầu của tối đa 01 chi nhánh hoặc văn phòng đại diện hoặc bộ phận nghiệp vụ của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm;</p> <p>c) Không được đồng thời làm việc cho doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam; không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam.</p>	<p>môi giới bảo hiểm khác tại Việt Nam; không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm khác tại Việt Nam;</p> <p>b) Chỉ được kiêm nhiệm chức danh người đứng đầu của tối đa 01 chi nhánh hoặc văn phòng đại diện hoặc bộ phận nghiệp vụ của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm;</p> <p>c) Không được đồng thời làm việc cho doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam; không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam.</p>	
Mục 3. DỊCH VỤ PHỤ TRỢ BẢO HIỂM		
<p>Điều 84. Điều kiện văn bằng, chứng chỉ, tiêu chuẩn đối với cá nhân trực tiếp thực hiện hoạt động phụ trợ bảo hiểm trong tổ chức cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm</p> <p>1. Cá nhân trực tiếp thực hiện hoạt động tư vấn phải đáp ứng một trong các điều kiện về văn bằng, chứng chỉ như sau:</p> <p>a) Có bằng đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm;</p> <p>b) Có bằng đại học trở lên về chuyên ngành khác và có chứng chỉ tư vấn bảo hiểm do cơ sở đào tạo về bảo hiểm được thành lập và hoạt động hợp pháp trong và ngoài nước cấp tương ứng với loại hình bảo hiểm thực hiện tư vấn.</p> <p>2. Cá nhân trực tiếp thực hiện hoạt động đánh giá rủi ro bảo hiểm phải đáp ứng một trong các điều kiện về</p>	<p>Điều 84. Điều kiện văn bằng, chứng chỉ, tiêu chuẩn đối với cá nhân trực tiếp thực hiện hoạt động phụ trợ bảo hiểm trong tổ chức cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm</p> <p>1. Cá nhân trực tiếp thực hiện hoạt động tư vấn phải đáp ứng một trong các điều kiện về văn bằng, chứng chỉ như sau:</p> <p>a) Có bằng đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm;</p> <p>b) Có bằng đại học trở lên về chuyên ngành khác và có chứng chỉ tư vấn bảo hiểm do cơ sở đào tạo về bảo hiểm được thành lập và hoạt động hợp pháp trong và ngoài nước cấp tương ứng với loại hình bảo hiểm thực hiện tư vấn.</p> <p>2. Cá nhân trực tiếp thực hiện hoạt động đánh giá rủi ro bảo hiểm phải đáp ứng một trong các điều kiện về</p>	<p>Cắt giảm điều kiện kinh doanh theo Nghị quyết số 198/2025/QH15 và bảo đảm phù hợp với Luật Đầu tư (sửa đổi)</p>

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>văn bằng, chứng chỉ như sau:</p> <p>a) Có bằng đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm;</p> <p>b) Có bằng đại học trở lên về chuyên ngành khác và có chứng chỉ đánh giá rủi ro bảo hiểm do cơ sở đào tạo về bảo hiểm được thành lập và hoạt động hợp pháp trong và ngoài nước cấp tương ứng với loại hình bảo hiểm thực hiện đánh giá rủi ro.</p> <p>3. Cá nhân trực tiếp thực hiện hoạt động tính toán bảo hiểm đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn tại các khoản 2, 3 Điều 29 và khoản 2 Điều 30 Nghị định này.</p> <p>4. Cá nhân trực tiếp thực hiện hoạt động giám định tổn thất bảo hiểm phải đáp ứng các điều kiện về văn bằng, chứng chỉ, tiêu chuẩn như sau:</p> <p>a) Có văn bằng từ cao đẳng trở lên phù hợp với yêu cầu của lĩnh vực giám định;</p> <p>b) Có chứng chỉ giám định tổn thất bảo hiểm do cơ sở đào tạo về bảo hiểm được thành lập và hoạt động hợp pháp trong và ngoài nước cấp tương ứng với các loại nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ thực hiện giám định tổn thất bảo hiểm;</p> <p>c) Có ít nhất 03 năm công tác trong lĩnh vực giám định.</p> <p>5. Cá nhân trực tiếp thực hiện hoạt động hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo hiểm phải đáp ứng các điều kiện về văn bằng, chứng chỉ như sau:</p> <p>a) Có văn bằng từ cao đẳng trở lên;</p> <p>b) Có chứng chỉ hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo</p>	<p>văn bằng, chứng chỉ như sau:</p> <p>a) Có bằng đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm;</p> <p>b) Có bằng đại học trở lên về chuyên ngành khác và có chứng chỉ đánh giá rủi ro bảo hiểm do cơ sở đào tạo về bảo hiểm được thành lập và hoạt động hợp pháp trong và ngoài nước cấp tương ứng với loại hình bảo hiểm thực hiện đánh giá rủi ro.</p> <p>3. Cá nhân trực tiếp thực hiện hoạt động tính toán bảo hiểm đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn tại các khoản 2, 3 Điều 29 và khoản 2 Điều 30 Nghị định này.</p> <p>4. Cá nhân trực tiếp thực hiện hoạt động giám định tổn thất bảo hiểm phải đáp ứng các điều kiện về văn bằng, chứng chỉ, tiêu chuẩn như sau:</p> <p>a) Có văn bằng từ cao đẳng trở lên phù hợp với yêu cầu của lĩnh vực giám định;</p> <p>b) Có chứng chỉ giám định tổn thất bảo hiểm do cơ sở đào tạo về bảo hiểm được thành lập và hoạt động hợp pháp trong và ngoài nước cấp tương ứng với các loại nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ thực hiện giám định tổn thất bảo hiểm;</p> <p>e) Có ít nhất 03 năm công tác trong lĩnh vực giám định.</p> <p>5. Cá nhân trực tiếp thực hiện hoạt động hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo hiểm phải đáp ứng các điều kiện về văn bằng, chứng chỉ như sau:</p> <p>a) Có văn bằng từ cao đẳng trở lên;</p> <p>b) Có chứng chỉ hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo</p>	

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
hiêm do cơ sở đào tạo về bảo hiểm được thành lập và hoạt động hợp pháp trong và ngoài nước cấp tương ứng với loại hình bảo hiểm thực hiện hỗ trợ giải quyết bồi thường.	hiêm do cơ sở đào tạo về bảo hiểm được thành lập và hoạt động hợp pháp trong và ngoài nước cấp tương ứng với loại hình bảo hiểm thực hiện hỗ trợ giải quyết bồi thường.	
<p>Chương IV</p> <p>CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ BẢO HIỂM QUA BIÊN GIỚI</p>		
<p>Điều 87. Điều kiện cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới</p> <p>1. Cá nhân nước ngoài cung cấp dịch vụ tư vấn bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 143 Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>2. Tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 143 Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p>	<p>Điều 87. Điều kiện cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới</p> <p>1. Cá nhân nước ngoài cung cấp dịch vụ tư vấn bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 143 Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>2. Tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 143 Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p>	<p>Thực hiện Nghị quyết số 198/2025/QH15 về cắt giảm và đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh cho doanh nghiệp.</p>
<p>Điều 89. Trách nhiệm của đối tượng cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới, dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới</p> <p>1. Cung cấp cho doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được cấp Giấy phép tại Việt Nam có tham gia vào quá trình cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới theo quy định tại Điều 88 Nghị định này các tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới theo quy định tại Điều 86 Nghị định này.</p> <p>Cung cấp cho doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm tại Việt</p>	<p>Điều 89. Trách nhiệm của đối tượng cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới, dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới</p> <p>1. Cung cấp cho doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được cấp Giấy phép tại Việt Nam có tham gia vào quá trình cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới theo quy định tại Điều 88 Nghị định này các tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới theo quy định tại Điều 86 Nghị định này.</p> <p>Cung cấp cho doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm tại Việt</p>	<p>Thực hiện Nghị quyết số 198/2025/QH15 về cắt giảm và đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh cho doanh nghiệp. Đồng thời, để đảm bảo phù hợp với Luật đầu tư (thay thế).</p>

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>Nam sử dụng dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới, tổ chức trong nước tham gia vào quá trình cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới các tài liệu chứng minh cá nhân, tổ chức nước ngoài đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 87 Nghị định này.</p> <p>2. Cá nhân, tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam có trách nhiệm thực hiện quy định về cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm tại Điều 141 và Điều 142 của Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>3. Trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới gửi cho Bộ Tài chính báo cáo tài chính của năm trước liền kề có xác nhận của tổ chức kiểm toán độc lập và văn bản nhận xét của cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm nước ngoài nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính về tình hình thực hiện các quy định pháp luật của doanh nghiệp.</p> <p>4. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới; cá nhân, tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới có trách nhiệm nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác có liên quan đến việc cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới, dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam theo quy định pháp luật về thuế.</p>	<p>Nam sử dụng dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới, tổ chức trong nước tham gia vào quá trình cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới các tài liệu chứng minh cá nhân, tổ chức nước ngoài đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 87 Nghị định này.</p> <p>2. Cá nhân, tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam có trách nhiệm thực hiện quy định về cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm tại Điều 141 và Điều 142 của Luật Kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>3. Trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới gửi cho Bộ Tài chính báo cáo tài chính của năm trước liền kề có xác nhận của tổ chức kiểm toán độc lập và văn bản nhận xét của cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm nước ngoài nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính về tình hình thực hiện các quy định pháp luật của doanh nghiệp.</p> <p>4. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới; cá nhân, tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới có trách nhiệm nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác có liên quan đến việc cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới, dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam theo quy định pháp luật về thuế”.</p>	
<p>Điều 90. Trách nhiệm của các đối tượng liên quan đến việc cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới, dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới</p> <p>Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài,</p>	<p>Điều 90. Trách nhiệm của các đối tượng liên quan đến việc cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới, dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới</p> <p>Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài,</p>	<p>Thực hiện Nghị quyết số 198/2025/QH15 về cắt giảm và đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh cho doanh nghiệp. Đồng thời, để đảm bảo phù hợp với Luật đầu tư (thay thế).</p>

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được cấp Giấy phép tại Việt Nam, tổ chức cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm tham gia cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới theo quy định tại Điều 88 Nghị định này có các trách nhiệm sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Lưu giữ các tài liệu chứng minh đối tượng cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam mà mình cùng tham gia cung cấp bảo hiểm đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 86 Nghị định này; lưu giữ các tài liệu chứng minh cá nhân, tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 87 Nghị định này và cung cấp cho cơ quan chức năng khi được yêu cầu. 2. Hằng quý, báo cáo Bộ Tài chính việc tham gia cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới, việc sử dụng và tham gia cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới thực hiện trong kỳ tại Việt Nam trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Mẫu báo cáo do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định. 3. Sử dụng hoặc tham gia cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới với cá nhân, tổ chức nước ngoài đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 86 Nghị định này. 	<p>doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được cấp Giấy phép tại Việt Nam, tổ chức cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm tham gia cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới theo quy định tại Điều 88 Nghị định này có các trách nhiệm sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Lưu giữ các tài liệu chứng minh đối tượng cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam mà mình cùng tham gia cung cấp bảo hiểm đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 86 Nghị định này; lưu giữ các tài liệu chứng minh cá nhân, tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 87 Nghị định này và cung cấp cho cơ quan chức năng khi được yêu cầu. 2. Hằng quý, báo cáo Bộ Tài chính việc tham gia cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới, việc sử dụng và tham gia cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới thực hiện trong kỳ tại Việt Nam trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Mẫu báo cáo do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định. 3. Sử dụng hoặc tham gia cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới với cá nhân, tổ chức nước ngoài đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 86 Nghị định này." 	
<p>Chương V PHỐI HỢP QUẢN LÝ, GIÁM SÁT, THANH TRA, KIỂM TRA ĐỐI VỚI CHI NHÁNH NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM</p>	<p>Chương V PHỐI HỢP QUẢN LÝ, GIÁM SÁT, THANH TRA, <u>KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH</u> ĐỐI VỚI CHI NHÁNH NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM</p>	
<p>Điều 92. Thanh tra, kiểm tra chi nhánh nước</p>	<p>Điều 92. Thanh tra, kiểm tra <u>kiểm tra chuyên ngành</u> chi</p>	<p>Luật Thanh tra 2025 đã bãi bỏ cụm từ</p>

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>ngoài tại Việt Nam</p> <p>Việc thanh tra, kiểm tra hoạt động kinh doanh bảo hiểm của chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam thực hiện theo quy định sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Bộ Tài chính Việt Nam thực hiện thanh tra, kiểm tra hoạt động của chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam theo quy định pháp luật. Cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm nước ngoài nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính thực hiện thanh tra, kiểm tra hoạt động của chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam như sau: <ol style="list-style-type: none"> Trước khi tiến hành thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm nước ngoài nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính phải thông báo kế hoạch thanh tra, kiểm tra cho Bộ Tài chính; Sau khi kết thúc thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm nước ngoài nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính phải cung cấp kết quả thanh tra, kiểm tra cho Bộ Tài chính. 	<p>nhánh nước ngoài tại Việt Nam</p> <p>Việc thanh tra, kiểm tra <u>chuyên ngành</u> hoạt động kinh doanh bảo hiểm của chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam thực hiện theo quy định sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Bộ Tài chính Việt Nam thực hiện thanh tra, kiểm tra <u>chuyên ngành</u> hoạt động của chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam theo quy định pháp luật. Cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm nước ngoài nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính thực hiện thanh tra, kiểm tra <u>chuyên ngành</u> hoạt động của chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam như sau: <ol style="list-style-type: none"> Trước khi tiến hành thanh tra, kiểm tra <u>chuyên ngành</u>, cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm nước ngoài nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính phải thông báo kế hoạch thanh tra, kiểm tra <u>chuyên ngành</u> cho Bộ Tài chính; Sau khi kết thúc thanh tra, kiểm tra <u>chuyên ngành</u>, cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm nước ngoài nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính phải cung cấp kết quả thanh tra, kiểm tra <u>chuyên ngành</u> cho Bộ Tài chính. 	<p>“thanh tra” tại 20 Luật, Nghị quyết, không bao gồm Luật Kinh doanh bảo hiểm. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 62: “2. <i>Trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội và các văn bản quy phạm pháp luật khác có quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra chưa phù hợp với Luật này thì phải hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung trước ngày 01/3/2027 để thống nhất với quy định của Luật này. Trong thời gian luật, nghị quyết của Quốc hội chưa được sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo quy định của Luật này</i>”.</p> <p>Do đó, Bộ Tài chính đã đề xuất bỏ cụm từ thanh tra và bổ sung kiểm tra chuyên ngành tại các quy định liên quan đến chức năng, nhiệm vụ thanh tra của Bộ Tài chính tại dự thảo Luật nhằm bảo đảm thống nhất với quy định của Luật Thanh tra.</p>
<p>Chương VI</p> <p>QUỸ BẢO VỆ NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM</p>		
<p>Điều 96. Thủ tục chi trả từ Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm</p> <p>1. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài phá sản hoặc mất khả năng thanh toán gửi Bộ Tài chính 01 bộ hồ sơ bao gồm các tài liệu sau:</p>	<p>Điều 96. Thủ tục chi trả từ Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm</p> <p>1. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài phá sản hoặc mất khả năng thanh toán gửi Bộ Tài chính 01 bộ hồ sơ bao gồm các tài liệu sau:</p>	<p>Để đảm bảo thống nhất với Luật Căn cước năm 2023</p>

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>a) Văn bản đề nghị sử dụng Quỹ theo mẫu quy định tại Phụ lục XVIII Nghị định này;</p> <p>b) Văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về phương án phân chia giá trị tài sản của doanh nghiệp bảo hiểm đã được thực hiện xong (đối với trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm bị phá sản);</p> <p>c) Bảng thống kê danh sách người được bảo hiểm và các hồ sơ yêu cầu trả tiền bảo hiểm, giá trị hoàn lại; trả tiền bồi thường bảo hiểm; hoàn phí bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài không có khả năng thanh toán; các khoản phải thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm; thu đòi người thứ ba tại thời điểm Bộ Tài chính có quyết định về việc chấm dứt áp dụng các biện pháp khôi phục khả năng thanh toán (đối với trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài mất khả năng thanh toán) hoặc tại thời điểm đã thực hiện xong phương án phân chia giá trị tài sản của doanh nghiệp (đối với trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm bị phá sản);</p> <p>d) Tài liệu thống kê về dự phòng nghiệp vụ, tài sản tương ứng dự phòng nghiệp vụ của danh mục hợp đồng dự kiến chuyển giao của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài mất khả năng thanh toán hoặc bị phá sản, số tiền bù đắp thiếu hụt giữa tài sản và trách nhiệm bảo hiểm, cũng như thiếu hụt các khoản dự phòng nghiệp vụ tương ứng cho doanh nghiệp bảo hiểm được chỉ định nhận chuyển giao danh mục hợp đồng bảo hiểm từ các doanh nghiệp bảo hiểm phá sản hoặc mất khả năng thanh toán.</p> <p>2. Trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày nhận được hồ</p>	<p>a) Văn bản đề nghị sử dụng Quỹ theo mẫu quy định tại Phụ lục XVIII Nghị định này;</p> <p>b) Văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về phương án phân chia giá trị tài sản của doanh nghiệp bảo hiểm đã được thực hiện xong (đối với trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm bị phá sản);</p> <p>c) Bảng thống kê danh sách người được bảo hiểm và các hồ sơ yêu cầu trả tiền bảo hiểm, giá trị hoàn lại; trả tiền bồi thường bảo hiểm; hoàn phí bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài không có khả năng thanh toán; các khoản phải thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm; thu đòi người thứ ba tại thời điểm Bộ Tài chính có quyết định về việc chấm dứt áp dụng các biện pháp khôi phục khả năng thanh toán (đối với trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài mất khả năng thanh toán) hoặc tại thời điểm đã thực hiện xong phương án phân chia giá trị tài sản của doanh nghiệp (đối với trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm bị phá sản);</p> <p>d) Tài liệu thống kê về dự phòng nghiệp vụ, tài sản tương ứng dự phòng nghiệp vụ của danh mục hợp đồng dự kiến chuyển giao của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài mất khả năng thanh toán hoặc bị phá sản, số tiền bù đắp thiếu hụt giữa tài sản và trách nhiệm bảo hiểm, cũng như thiếu hụt các khoản dự phòng nghiệp vụ tương ứng cho doanh nghiệp bảo hiểm được chỉ định nhận chuyển giao danh mục hợp đồng bảo hiểm từ các doanh nghiệp bảo hiểm phá sản hoặc mất khả năng thanh toán.</p> <p>2. Trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày nhận được hồ</p>	

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>sơ của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, Bộ Tài chính thành lập Hội đồng xem xét chi trả bảo hiểm theo quy định tại khoản 4 Điều 93 Nghị định này.</p> <p>3. Trong thời hạn 150 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng xem xét chi trả bảo hiểm thực hiện các công việc sau:</p> <p>a) Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ yêu cầu chi trả tiền bảo hiểm, giá trị hoàn lại; trả tiền bồi thường bảo hiểm; hoàn phí bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài để xác định chính xác số tiền chi trả; kiểm tra hồ sơ về dự phòng nghiệp vụ, tài sản tương ứng đối với trường hợp chi định nhận chuyển giao danh mục hợp đồng bảo hiểm;</p> <p>b) Xây dựng phương án chi trả tiền bảo hiểm, giá trị hoàn lại; trả tiền bồi thường.</p> <p>4. Sau khi phương án chi trả tiền bảo hiểm được Bộ Tài chính phê duyệt, trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày Bộ Tài chính chấp nhận phương án chi trả bảo hiểm, Hội đồng xem xét chi trả bảo hiểm thông báo công khai việc chi trả cho người được bảo hiểm trên các báo hàng ngày (ít nhất trên một tờ báo trung ương hoặc một tờ báo địa phương nơi đặt trụ sở chính, các chi nhánh và địa điểm giao dịch của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài) bằng tiếng Việt trong 03 số liên tiếp, đồng thời niêm yết danh sách các đối tượng được chi trả tại trụ sở chính, các chi nhánh, địa điểm giao dịch của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính,</p>	<p>sơ của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, Bộ Tài chính thành lập Hội đồng xem xét chi trả bảo hiểm theo quy định tại khoản 4 Điều 93 Nghị định này.</p> <p>3. Trong thời hạn 150 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng xem xét chi trả bảo hiểm thực hiện các công việc sau:</p> <p>a) Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ yêu cầu chi trả tiền bảo hiểm, giá trị hoàn lại; trả tiền bồi thường bảo hiểm; hoàn phí bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài để xác định chính xác số tiền chi trả; kiểm tra hồ sơ về dự phòng nghiệp vụ, tài sản tương ứng đối với trường hợp chi định nhận chuyển giao danh mục hợp đồng bảo hiểm;</p> <p>b) Xây dựng phương án chi trả tiền bảo hiểm, giá trị hoàn lại; trả tiền bồi thường.</p> <p>4. Sau khi phương án chi trả tiền bảo hiểm được Bộ Tài chính phê duyệt, trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày Bộ Tài chính chấp nhận phương án chi trả bảo hiểm, Hội đồng xem xét chi trả bảo hiểm thông báo công khai việc chi trả cho người được bảo hiểm trên các báo hàng ngày (ít nhất trên một tờ báo trung ương hoặc một tờ báo địa phương nơi đặt trụ sở chính, các chi nhánh và địa điểm giao dịch của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài) bằng tiếng Việt trong 03 số liên tiếp, đồng thời niêm yết danh sách các đối tượng được chi trả tại trụ sở chính, các chi nhánh, địa điểm giao dịch của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính, doanh</p>	

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài. Nội dung thông báo phải nêu rõ địa điểm, thời gian, phương thức chi trả tiền của Quý.</p> <p>5. Hội đồng xem xét chi trả bảo hiểm thực hiện chi trả tiền bảo hiểm từ nguồn kinh phí Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm theo đúng phương án chi trả tiền bảo hiểm đã được Bộ Tài chính phê duyệt.</p> <p>6. Các đối tượng được Quỹ chi trả tiền bảo hiểm, giá trị hoàn lại; trả tiền bồi thường bảo hiểm; hoàn phí bảo hiểm phải đáp ứng các điều kiện sau:</p> <p>a) Có tên trong bảng thống kê danh sách kèm theo hồ sơ đã được Bộ Tài chính phê duyệt chi trả;</p> <p>b) Có các giấy tờ chứng minh quyền lợi hợp pháp đối với các khoản tiền chi trả của Quỹ bao gồm: Thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc các giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác; hợp đồng bảo hiểm; giấy ủy quyền nhận tiền (nếu có).</p>	<p>doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài. Nội dung thông báo phải nêu rõ địa điểm, thời gian, phương thức chi trả tiền của Quý.</p> <p>5. Hội đồng xem xét chi trả bảo hiểm thực hiện chi trả tiền bảo hiểm từ nguồn kinh phí Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm theo đúng phương án chi trả tiền bảo hiểm đã được Bộ Tài chính phê duyệt.</p> <p>6. Các đối tượng được Quỹ chi trả tiền bảo hiểm, giá trị hoàn lại; trả tiền bồi thường bảo hiểm; hoàn phí bảo hiểm phải đáp ứng các điều kiện sau:</p> <p>a) Có tên trong bảng thống kê danh sách kèm theo hồ sơ đã được Bộ Tài chính phê duyệt chi trả;</p> <p>b) Có các giấy tờ chứng minh quyền lợi hợp pháp đối với các khoản tiền chi trả của Quỹ bao gồm: Thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc các giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác; hợp đồng bảo hiểm; giấy ủy quyền nhận tiền (nếu có).</p>	
<p>Chương VII. NGHIỆP VỤ BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐẦU TƯ VÀ BẢO HIỂM HƯU TRÍ</p> <p>Mục 2. NGHIỆP VỤ BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐẦU TƯ</p> <p>Tiểu mục 1. ĐẶC ĐIỂM NGHIỆP VỤ, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐẦU TƯ</p>		
<p>Điều 102. Quyền lợi của hợp đồng bảo hiểm liên kết đầu tư</p> <p>1. Quyền lợi hợp đồng bảo hiểm liên kết đầu tư bao gồm:</p> <p>a) Quyền lợi bảo hiểm rủi ro quy định tại khoản 2 Điều này;</p>	<p>Điều 102. Quyền lợi của hợp đồng bảo hiểm liên kết đầu tư</p> <p>1. Quyền lợi hợp đồng bảo hiểm liên kết đầu tư bao gồm:</p> <p>a) Quyền lợi bảo hiểm rủi ro quy định tại khoản 2 Điều này;</p>	<p>Thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp.</p>

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
<p>b) Quyền lợi đầu tư quy định tại khoản 3 Điều này;</p> <p>c) Quyền lợi thưởng khác (nếu có) nhằm tăng giá trị tài khoản trong hợp đồng bảo hiểm liên kết đầu tư.</p> <p>2. Quyền lợi bảo hiểm rủi ro:</p> <p>a) Quyền lợi bảo hiểm rủi ro bao gồm quyền lợi tử vong và quyền lợi thương tật toàn bộ vĩnh viễn;</p> <p>b) Quyền lợi bảo hiểm rủi ro phải đáp ứng mức tối thiểu theo các quy định sau:</p> <p>Đối với các hợp đồng bảo hiểm đóng phí cơ bản một lần: 50.000.000 đồng Việt Nam hoặc 125% của số phí bảo hiểm cơ bản đóng một lần, tùy thuộc vào số nào lớn hơn;</p> <p>Đối với các hợp đồng bảo hiểm đóng phí cơ bản định kỳ: 50.000.000 đồng Việt Nam hoặc 05 lần của số phí bảo hiểm cơ bản quy năm, tùy thuộc vào số nào lớn hơn;</p> <p>Doanh nghiệp bảo hiểm có thể cung cấp quyền lợi tử vong với số tiền bảo hiểm thấp hơn mức tối thiểu quy định như trên đối với người được bảo hiểm từ 60 tuổi trở lên, nhưng không thấp hơn 50.000.000 đồng Việt Nam.</p> <p>3. Quyền lợi đầu tư: là toàn bộ kết quả đầu tư từ phần phí đem đi đầu tư của bên mua bảo hiểm sau khi trừ đi phí quản lý quỹ theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.</p> <p>4. Trong thời hạn 02 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, doanh nghiệp bảo hiểm được tiếp tục cung cấp các quyền lợi của hợp đồng bảo hiểm liên kết đầu tư theo quy định tại quy tắc, điều khoản sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư đã được Bộ Tài chính</p>	<p>b) Quyền lợi đầu tư quy định tại khoản 3 Điều này;</p> <p>c) Quyền lợi thưởng khác (nếu có) nhằm tăng giá trị tài khoản trong hợp đồng bảo hiểm liên kết đầu tư.</p> <p>2. Quyền lợi bảo hiểm rủi ro:</p> <p>a) Quyền lợi bảo hiểm rủi ro bao gồm quyền lợi tử vong và <u>có thể bao gồm</u> quyền lợi thương tật toàn bộ vĩnh viễn;</p> <p>b) Quyền lợi bảo hiểm rủi ro phải đáp ứng mức tối thiểu theo các quy định sau:</p> <p>Đối với các hợp đồng bảo hiểm đóng phí cơ bản một lần: 50.000.000 đồng Việt Nam hoặc 125% của số phí bảo hiểm cơ bản đóng một lần, tùy thuộc vào số nào lớn hơn;</p> <p>Đối với các hợp đồng bảo hiểm đóng phí cơ bản định kỳ: 50.000.000 đồng Việt Nam hoặc 05 lần của số phí bảo hiểm cơ bản quy năm, tùy thuộc vào số nào lớn hơn;</p> <p>Doanh nghiệp bảo hiểm có thể cung cấp quyền lợi tử vong với số tiền bảo hiểm thấp hơn mức tối thiểu quy định như trên đối với người được bảo hiểm từ 60 tuổi trở lên, nhưng không thấp hơn 50.000.000 đồng Việt Nam.</p> <p>3. Quyền lợi đầu tư: là toàn bộ kết quả đầu tư từ phần phí đem đi đầu tư của bên mua bảo hiểm sau khi trừ đi phí quản lý quỹ theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.</p> <p>4. Trong thời hạn 02 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, doanh nghiệp bảo hiểm được tiếp tục cung cấp các quyền lợi của hợp đồng bảo hiểm liên kết đầu tư theo quy định tại quy tắc, điều khoản sản</p>	

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/
phê chuẩn trước ngày Nghị định này có hiệu lực.	phảm bảo hiểm liên kết đầu tư đã được Bộ Tài chính phê chuẩn trước ngày Nghị định này có hiệu lực.	